

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số: /ĐA-UBND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN
VỀ VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 năm 2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/04/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay, góp phần đổi mới, sắp xếp bộ máy tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tiết kiệm kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc; giảm chi cho ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Ngày 01/01/2004, tỉnh Đắk Nông được thành lập trên cơ sở tách từ tỉnh Đắk Lắk. Tỉnh Đắk Nông qua nhiều lần chia, tách, thành lập mới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, đã mang lại những kết quả tích cực, như việc quản lý của chính quyền gần dân hơn, đầu tư ngân sách nhà nước cho kinh tế - xã hội tại các địa phương có những thay đổi nhất định.

Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 03 cấp đã phát sinh nhiều bất cập, làm phân tán các nguồn lực, không phát huy được hết lợi thế, tiềm năng phát triển của các địa phương; làm tăng số lượng ĐVHC các cấp, theo đó tăng số lượng các cơ quan, tổ chức của đảng, đoàn thể, chính quyền, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, dẫn đến tổ chức bộ máy chính quyền địa phương nói riêng, hệ thống chính trị các cấp nói chung chồng chéo, tầng nấc, lãng phí ngân sách nhà nước và nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương có sự chồng lấn, trùng lặp giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Chính quyền địa phương ở cấp huyện chủ yếu giữ vai trò trung gian trong thực thi chính sách, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện từ cấp tỉnh xuống cấp xã.

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hoá và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã ở tỉnh Đắk Nông nhằm mục đích phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện chất lượng cuộc sống người dân là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

1. Tỉnh Đắk Nông

Tỉnh Đắk Nông nằm ở vùng Tây Nguyên, có chức năng và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng không những trong tỉnh mà còn của khu vực và cả nước, với điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai, khoáng sản thì Đắk Nông nhiều tiềm năng lợi thế nổi bật để phát triển về công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, cùng với việc Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời tỉnh Đắk Nông cũng đã xác định tập trung phát triển 03 trụ cột kinh tế là công nghiệp khai khoáng, năng lượng tái tạo; nông nghiệp công nghệ cao và du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới. Đắk Nông có diện tích đất đai lớn và nguồn tài nguyên phong phú, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên, tập trung vào việc phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực, như: Cà phê, sầu riêng, cao su, tiêu và các loại cây ăn quả; quan tâm đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến nông sản, khai thác khoáng sản và phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời; phát triển các ngành dịch vụ, du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển thương mại, đặc biệt là các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Tổng sản phẩm nội của tỉnh GRDP tăng 4,87%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn khoảng 3.250 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người 81,66 triệu đồng.

Tỉnh Đắk Nông có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực Tây Nguyên, có đường biên giới với nước bạn Campuchia, do đó tỉnh có chức năng quan trọng trong công tác bảo vệ an ninh Quốc gia, trật tự xã hội và an toàn biên giới; quản lý và điều hành các hoạt động an ninh trong tỉnh, phòng chống tội phạm, bảo vệ trật tự xã hội và xử lý các tình huống an ninh khẩn cấp.

1.1. Về diện tích tự nhiên: 6.509,27 km².

Số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp¹ (tính đến 31/12/2024).

1.2. Về Quy mô dân số: 746.149 người.

Số liệu do Công an tỉnh cung cấp² (tính đến 31/12/2024).

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện:

Tỉnh Đắk Nông có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có:

- 07 huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song, Đắk Glong, Tuy Đức và Đắk R'Lấp.

- 01 thành phố: Thành phố Gia Nghĩa.

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã:

Tỉnh Đắk Nông có 71 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có: 06 phường, 05 thị trấn và 60 xã.

II. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

Tổng số lượng ĐVHC sắp xếp là **68** đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn), cụ thể:

1. Xã Đắk Wil, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Wil thuộc huyện Cư Jút được thành lập theo Nghị định số 49/2001/NĐ-CP ngày 15/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ, được tách ra từ xã Ea Pô cũ. Xã Đắk Wil có 13,466 km đường biên giới. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Ea Pô, huyện Cư Jút; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia; phía Nam giáp xã Đắk D'rông thuộc huyện Cư Jút và xã Đắk R'la thuộc huyện Đắk Mil; phía Bắc giáp huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Xã Đắk Wil hiện có 15 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao; xã biên giới.

- Diện tích tự nhiên: 420,3 km².

- Quy mô dân số: 10.870 người.

- Số người dân tộc thiểu số: 6.778 người; chiếm tỷ lệ 62,4%.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7; phụ cấp biên giới 50%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Ea Pô, xã Đắk Drông, xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút; xã Đắk R'la và xã Đắk Lao thuộc huyện Đắk Mil.

2. Xã Ea Pô, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Ea Pô được thành lập theo Quyết

¹ Theo Công văn số 306/SNNMT-CCQLĐĐ ngày 24/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Nông.

² Theo Công văn số 741/CAT-PC06 ngày 14/4/2025 của Công an tỉnh Đắk Nông

định số 09/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 26/01/1989 trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của xã Cư Jút cũ. Ngày 19/6/1990 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 227-HĐBT chuyển xã Ea Pô về huyện Cư Jút là huyện mới thành lập, đồng thời sáp nhập 35.100 ha diện tích tự nhiên của xã Đắk Lao thuộc huyện Đắk Mil vào xã Ea Pô. Xã Ea Pô hiện nay nằm ở phía Bắc huyện Cư Jút với vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Hòa Phú thuộc Thành Phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk; phía Tây giáp xã Đắk Wil và xã Đắk D'rông thuộc huyện Cư Jút; phía Nam giáp xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút; phía Bắc giáp xã Ea Wer thuộc huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Xã Ea Pô hiện có 21 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Quy mô dân số: 13.474 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 8.589 người; chiếm tỷ lệ 63,7%.
- Diện tích tự nhiên: 94,8 km².
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk Wil, xã Đắk D'rông và xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút.

3. Xã Đắk D'rông, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk D'rông được thành lập theo Nghị Định số 313/TCCP-BT ngày 26/5/1992 của Chính phủ, trên cơ sở 5.943 (ha) diện tích đất tự nhiên và 3.200 nhân khẩu từ xã Nam Dong tách ra. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Nam Dong; phía Tây giáp Lâm Trường Đắk Mil; phía Nam giáp xã Cư K'nia và xã Đắk R'la thuộc huyện Đắk Mil; phía Bắc giáp xã Đắk Wil và xã Ea pô. Xã Đắk D'rông hiện có 19 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 60,3 km².
- Quy mô dân số: 17.328 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 14.954 người; chiếm tỷ lệ 86,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nam Dong, xã Đắk Wil, xã Cư K'nia, xã Ea Pô thuộc huyện Cư Jút và xã Đắk R'la thuộc huyện Đắk Mil.

4. Xã Nam Dong, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nam Dong được thành lập vào ngày 26/01/1989 theo Quyết định số 09/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ Trưởng thông qua tách một phần diện tích và dân số của xã Cư Jút cũ. Đến ngày 19/6/1990 xã Nam Dong được chuyển về huyện Cư Jút mới thành lập theo quyết định 227-HĐBT của Hội đồng Bộ Trưởng. Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp xã Ea Pô và xã Đắk Wil; phía Nam giáp xã Trúc Sơn và thị Trấn Ea T'ling; phía Đông giáp xã Tâm Thắng và Thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk; phía Tây giáp xã Đắk

D'rông và xã Cư K'nia. Xã Nam Dong hiện có 19 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 43,7 km².
- Quy mô dân số: 18.373 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 5.968 người; chiếm tỷ lệ 32,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đăk D'rông, thị trấn Ea T'ling, xã Cư K'nia, xã Trúc Sơn, xã Tâm Thắng và xã Ea Pô thuộc huyện Cư Jút.

5. Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Tâm Thắng được thành lập theo Quyết định số 125/HĐBT ngày 14/9/1989 của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của xã Ea T'ling. Vị trí địa lý: Xã Tâm Thắng nằm ở phía Đông Nam huyện Cư Jút; phía Đông và phía Nam giáp xã Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, ranh giới là sông Sêrêpôk; phía Tây giáp thị trấn Ea T'ling thuộc huyện Cư Jút; phía Bắc giáp xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút. Xã Tâm Thắng hiện có 19 thôn, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 21,5 km².
- Quy mô dân số: 16.126 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 5.017 người; chiếm tỷ lệ 31,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,4.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Thị trấn Ea T'ling và xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút.

6. Xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Trúc Sơn được thành lập theo Quyết định số 125/HĐBT ngày 14 tháng 9 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 2001 do yêu cầu nhiệm vụ quản lý và phát triển chung xã được chia tách thành 02 xã là xã Trúc Sơn và xã Cư K'nia. Xã Trúc Sơn có vị trí địa lý: Phía Đông giáp thị trấn Ea T'ling; phía Tây giáp xã Đăk Gắn thuộc huyện Đăk Mil; phía Bắc giáp xã Cư K'nia; phía Nam giáp xã Đăk Sôr thuộc huyện Krông Nô. Xã Trúc Sơn hiện có 06 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 27,8 km²
- Quy mô dân số: 3.577 người.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 757 người; chiếm tỉ 21,2%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Thị trấn Ea T'ling, xã Cư K'nia, xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút, xã Đăk Gắn thuộc huyện Đăk Mil và xã Đăk Sôr thuộc huyện Krông Nô.

7. Xã Cư K'nia, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Cư K'nia được thành lập theo Nghị định 49/2001/NĐ-CP ngày 15/8/2001 của Chính phủ. Năm 2021 xã Cư K'nia có sự điều chỉnh về diện tích đất tự nhiên theo Nghị quyết số 1190/NQ-UBTVQH14 ngày 12/01/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vị trí địa lý: Phía Đông của xã giáp xã Trúc Sơn; phía Tây giáp xã Đăk D'rông; phía Nam giáp huyện Đăk Mil; phía Bắc giáp Nam Dong thuộc huyện Cư Jút. Xã Cư K'nia hiện có 12 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Quy mô dân số: 9.332 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 7.413 người; chiếm tỷ lệ 79,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Nam Dong, xã Trúc Sơn và xã Đăk D'rông thuộc huyện Cư Jút; xã Đăk Gắn và xã Đăk R'la thuộc huyện Đăk Mil.

8. Thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút

- Lịch sử hình thành và phát triển: Thị trấn Ea T'ling được thành lập theo Quyết định 313/TCCP ngày 26/5/1992 của Bộ trưởng, trưởng Ban tổ chức - cán bộ Chính phủ trên cơ sở điều chỉnh 1.200 ha diện tích tự nhiên và toàn bộ dân số của xã Ea T'ling. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Tâm Thắng; phía Tây giáp xã Trúc Sơn thuộc huyện Cư Jút ; phía Nam giáp xã Đăk Sôr thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông, xã Hòa Phú thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk và xã Dray Sáp thuộc huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk; phía Bắc giáp xã Nam Dong và xã Tâm Thắng. Thị trấn Ea T'ling hiện có 13 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 22,7 km².
- Quy mô dân số: 20.579 người.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.626 người; chiếm tỉ lệ 17,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,4.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Tâm Thắng, xã Trúc Sơn, xã Nam Dong thuộc huyện Cư Jút; xã Đăk Sôr thuộc huyện Krông Nô.

9. Xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đăk Gắn được thành lập sau ngày 30/4/1975 với địa giới hành chính bao gồm xã Đăk Gắn, xã Đăk R'la và một phần xã Đăk N'Drôt hiện nay. Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp xã Cư K'nia và xã

Trúc Sơn thuộc huyện Cư Jút; phía Đông Nam giáp xã Đăk Sô, xã Nam Xuân thuộc huyện Krông Nô; phía Tây giáp xã Đăk R'la thuộc huyện Đăk Mil. Xã Đăk Gắn hiện có 15 thôn, bon, bản.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao
- Diện tích tự nhiên: 76,4 km².
- Quy mô dân số: 9.043 người.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.198 người; chiếm tỷ lệ 35,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đăk R'la thuộc huyện Đăk Mil; xã Trúc Sơn và xã Cư K'nia thuộc huyện Cư Jút; xã Nam Xuân và xã Đăk Sô thuộc huyện Krông Nô.

10. Xã Đăk R'la, huyện Đăk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đăk R'la được thành lập theo Nghị định số 18/1998/NĐ - CP ngày 24/3/1998 của Chính phủ trên cơ sở 10.204 ha diện tích tự nhiên và 4.143 người của xã Đăk Gắn. Ngày 6/6/2005 Chính phủ ban hành Nghị định 70/2005/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã, đổi tên thành xã Đăk R'la. Xã Đăk R'la nằm ở phía Đông Bắc huyện Đăk Mil, có vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đăk Gắn; phía Tây giáp xã Đăk N'Drót và xã Đăk Lao; phía Nam giáp các xã Đức Mạnh, Long Sơn và huyện Krông Nô; phía Bắc giáp huyện Cư Jút. Xã Đăk R'la hiện có 12 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 90,8 km².
- Quy mô dân số: 13.472 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 5.750 người; chiếm tỷ lệ 42,7%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đăk Gắn, xã Đức Mạnh, xã Đăk Lao, xã Đăk N'Drót, xã Long Sơn thuộc huyện Đăk Mil; xã Nam Xuân thuộc huyện Krông Nô; xã Đăk Wil, xã Đăk D'rông và xã Cư K'nia thuộc huyện Cư Jút.

11. Xã Đăk N'Drót, huyện Đăk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đăk N'Drót được thành lập theo Nghị định số 70/2005/NĐ-CP ngày 06/06/2005 của Chính phủ với tổng diện tích tự nhiên 4.652,78 ha và 3.441 nhân khẩu. Về vị trí địa lý: Xã Đăk N'Drót cách trung tâm huyện Đăk Mil 14 km về phía Đông Bắc; phía Đông giáp xã Đăk R'la; phía Tây giáp xã Đức Mạnh và xã Đăk Lao; phía Nam giáp xã Đức Mạnh và xã Đăk R'la; phía Bắc giáp xã Đăk R'la và xã Đăk Lao. Xã Đăk N'Drót hiện có 11 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao;

- Diện tích tự nhiên: 46,5 km².
- Quy mô dân số: 9.064 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 6.009 người; chiếm tỷ lệ 66,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đức Mạnh, xã Đắk Lao, xã Đắk R'la thuộc huyện Đắk Mil.

12. Xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đức Mạnh được thành lập Quyết định số 227-QĐ-HĐBT ngày 19/6/1990 do Hội đồng Bộ trưởng ban hành về việc thành lập huyện Cư Jút tỉnh Đắk Lắk trong đó có nội dung xã Đức Mạnh thuộc huyện Đắk Mil. Từ ngày 01/01/2004 đến nay xã Đức Mạnh là đơn vị hành chính thuộc huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông. Vị trí địa lý: Xã Đức Mạnh nằm phía Đông Bắc huyện Đắk Mil; phía Bắc giáp xã Đắk N'Drót, phía Nam giáp xã Đức Minh và xã Đắk Sắk, phía Đông giáp xã Đắk R'la và xã Long Sơn, phía Tây giáp thị trấn Đắk Mil và xã Đắk Lao. Xã Đức Mạnh hiện có 18 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 49 km².
- Quy mô dân số: 16.587 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 385 người; chiếm tỷ lệ 2,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk Lao, xã Đắk N'Drót, xã Đắk R'la, xã Long Sơn, xã Đắk Sắk, xã Đức Minh và thị trấn Đắk Mil thuộc huyện Đắk Mil.

13. Xã Long Sơn, huyện Đắk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Long Sơn được thành lập theo Nghị định 142/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, xã với diện tích tự nhiên là 3.014,38 ha. Xã Long Sơn được chia thành 04 thôn (*Tây Sơn, Đông Sơn, Nam Sơn, Tân Sơn*). Vị trí địa lý: Phía Đông giáp huyện Krông Nô; phía Tây giáp xã Đức Mạnh và xã Đắk Sắk; phía Nam giáp xã Đắk Sắk và huyện Krông Nô; phía Bắc giáp xã Đức Mạnh và xã Đắk R'la. Xã Long Sơn hiện có 04 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 30,1 km².
- Quy mô dân số: 1.747 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.597 người; chiếm tỷ lệ 91,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đức Mạnh, xã Đắk R'la, xã Đắk Sắk thuộc huyện Đắk Mil; xã Nam Xuân và xã Tân Thành thuộc huyện Krông Nô.

14. Xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Sắk được thành lập theo Quyết định số 13-HĐBT ngày 17/01/1984 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Đắk Lắk. Xã Đắk Sắk nằm về phía Đông Nam của huyện Đắk Mil. Vị trí địa lý của xã: Phía Bắc giáp xã Đức Mạnh; phía Nam giáp một phần của xã Tân Thành thuộc huyện Krông Nô và một phần của xã Đắk Mol thuộc huyện Đắk Song; phía Đông giáp xã Long Sơn; phía Tây giáp xã Đức Minh. Xã Đắk Sắk hiện có 19 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 31,1 km².
- Quy mô dân số: 17.945 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.883 người; chiếm tỷ lệ 10,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đức Mạnh, xã Đức Minh, xã Long Sơn thuộc huyện Đắk Mil; xã Tân Thành thuộc huyện Krông Nô; xã Đắk Mol thuộc huyện Đắk Song.

15. Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Thị trấn Đắk Mil được thành lập ngày 09/8/1989; là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và an ninh, quốc phòng của huyện Đắk Mil. Vị trí địa lý thị trấn Đắk Mil: Phía Đông giáp xã Đức Mạnh và một phần của xã Đắk Lao, phía Tây giáp xã Thuận An, phía Bắc giáp xã Đắk Lao, phía Nam giáp xã Đức Minh. Thị trấn Đắk Mil được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định 1534/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/12/2014. Thị trấn Đắk Mil hiện có 10 thôn, buôn, tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 4,8 km².
- Quy mô dân số: 13.694 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 594 người; chiếm tỷ lệ 4,4 %.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,4.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đức Mạnh, xã Đắk Lao, xã Thuận An và xã Đức Minh thuộc huyện Đắk Mil.

16. Xã Đức Minh, huyện Đắk Mil

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đức Minh được thành lập theo Quyết định 13- HĐBT ngày 17/1/1984 của Hội đồng Bộ trưởng, theo đó chia xã Đức Minh thành 3 xã: Đức Minh, Đắk Sắk và Đắk Mol. Ngày 22/11/2006 Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2006/NĐ-CP của Chính phủ; điều chỉnh 229 ha

diện tích tự nhiên và 801 người của xã Đức Minh về xã Đắc SẮc quản lý. Xã Đức Minh nằm ở phía Nam huyện Đắc Mĩ, tỉnh Đắc Nông. Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp thị trấn Đắc Mĩ và xã Đức Mạnh; phía Đông giáp xã Đắc SẮc và huyện Đắc Song; phía Tây giáp xã Thuận An; phía Nam giáp huyện Đắc Song. Xã Đức Minh hiện có 16 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 34,3 km².
- Quy mô dân số: 18.305 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.872 người; chiếm tỷ lệ 10,2%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Thị trấn Đắc Mĩ, xã Đức Mạnh, xã Thuận An và xã Đắc SẮc thuộc huyện Đắc Mĩ; xã Đắc Mól và xã Đắc Hoà thuộc huyện Đắc Song.

17. Xã Thuận An, huyện Đắc Mĩ

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Thuận An được hình thành từ năm 1959. Sau năm 1975 xã có tên là xã Thuận Hòa (*sau này đổi thành xã Thuận An*). Xã Thuận An là xã biên giới nằm trên Quốc lộ 14 cách trung tâm huyện Đắc Mĩ 7 km về hướng Tây - Nam có 12 km đường biên giới giáp nước bạn Campuchia. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đức Minh; phía Tây giáp Campuchia và xã Thuận An; phía Nam giáp huyện Đắc Song; phía Bắc giáp xã Đắc Lao và thị trấn Đắc Mĩ. Xã Thuận An hiện có 10 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao; xã Biên giới.
- Diện tích tự nhiên: 61,9 km².
- Quy mô dân số: 12.719 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 3.697 người; chiếm tỷ lệ 29,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp biên giới.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thuận Hạnh thuộc huyện Đắc Song; xã Đức Minh, thị trấn Đắc Mĩ và xã Đắc Lao thuộc huyện Đắc Mĩ.

18. Xã Đắc Lao, huyện Đắc Mĩ

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc Lao được thành lập ngày 19/8/1989. Ngày 19/6/1990 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 227/QĐ-HĐBT về việc thành lập huyện Cư Jút trong đó có nội dung xã Đắc Lao thuộc huyện Đắc Mĩ, tỉnh Đắc Lắc. Ngày 26/11/2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 22/2003/QH11 chia tỉnh Đắc Lắc thành tỉnh Đắc Lắc và tỉnh Đắc Nông; theo đó, xã Đắc Lao thuộc huyện Đắc Mĩ, tỉnh Đắc Nông. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp thị trấn Đắc Mĩ và các xã Đắc Gắn, xã Đức Mạnh; phía Tây giáp tỉnh Mondulakiri, Campuchia; phía Nam giáp xã Thuận An; phía Bắc giáp thị trấn Đắc Mĩ và xã Ea Pô của huyện Cư Jút - ranh giới là con đường từ

Kilomet số 29 trên Quốc lộ 14 đi qua xã Trúc Sơn. Xã Đắc Lao hiện có 10 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao; xã Biên giới.
- Diện tích tự nhiên: 253.9 km².
- Quy mô dân số: 9.906 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 708 người; ; chiếm tỷ lệ 7,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp biên giới.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắc Wil thuộc huyện Cư Jút; xã Đắc R'la, xã Đắc N'Drót, xã Đức Mạnh, xã Thuận An và thị trấn Đắc Mil thuộc huyện Đắc Mil.

19. Xã Buôn Choáh, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Buôn Choáh được thành lập vào ngày 18/11/1996 trên cơ sở 5.250 ha diện tích tự nhiên và 2.450 người của xã Nam Đà. Xã Buôn Choáh nằm ở phía Đông Bắc của huyện Krông Nô cách trung tâm huyện 22 km. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Bình Hòa thuộc huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk ; phía Tây giáp với xã Nam Đà thuộc Huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; phía Nam giáp với xã Đắc Drô thuộc huyện Krông Nô, tỉnh ĐắkNông; phía Bắc giáp xã Eana thuộc huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Xã Buôn Chóah hiện có 5 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 46,5 km².
- Quy mô dân số: 2.667 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.807 người; chiếm tỷ lệ 67,8%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nam Đà và xã Đắc Drô thuộc huyện Krông Nô.

20. Xã Nam Đà, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nam Đà được thành lập vào ngày 20/4/1978, là một xã thuộc vùng kinh tế mới của huyện Đắc Mil. Ngày 9/11/1987 huyện Krông Nô được thành lập, xã Nam Đà thuộc huyện Krông Nô. Xã Nam Đà có vị trí địa lý nằm ở phía Bắc của huyện Krông Nô, gần kề với thị trấn Đắc Mâm - trung tâm huyện Krông Nô, nằm trên tuyến đường Quốc lộ 28 tuyến đường huyết mạch kết nối huyện Krông Nô với các huyện khác của tỉnh; phía Bắc giáp xã Đắc Sôr; phía Nam giáp thị trấn Đắc Mâm, xã Đắc Drô; phía Đông giáp xã Buôn Chóah; phía Tây giáp xã Nam Xuân thuộc huyện Krông Nô. Xã Nam Đà hiện có 14 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.

- Diện tích tự nhiên: 57,7 km².
- Quy mô dân số: 13.399 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.244 người; chiếm tỷ lệ 9,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Buôn Choáh, xã Đăk Drô, xã Đăk Sôr, xã Nam Xuân và thị trấn Đăk Mâm thuộc huyện Krông Nô.

21. Xã Đăk Sôr, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đăk Sôr được thành lập theo Nghị định số 110/NĐ-CP ngày 29/8/1994 của Chính phủ. Xã được chia tách từ xã Nam Đà là một xã nằm ở phía Bắc của huyện Krông Nô. Xã Đăk Sôr có vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Nam Đà và tỉnh Đăk Lăk; phía Tây giáp huyện Đăk Mil và xã Nam Xuân; phía Nam giáp xã Nam Đà; phía Bắc giáp các huyện Đăk Mil và Cư Jút. Xã Đăk Sôr hiện có 08 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 28,5 km².
- Quy mô dân số: 5.454 người.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.931 người; chiếm tỷ lệ 35,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Thị trấn Ea T'ling và xã Trúc Sơn thuộc huyện Cư Jút; xã Đăk Gắn thuộc huyện Đăk Mil; xã Nam Đà và xã Nam Xuân thuộc huyện Krông Nô.

22. Thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Thị trấn Đăk Mâm được thành lập theo quyết định số 77/QĐ-CP ngày 30/10/1993 về việc phân hoạch lại địa giới các huyện Cư Mgar, Krông Ana, Ma Đrăk, Ea Ka và Krông Nô thuộc tỉnh Đăk Lăk. Thị trấn Đăk Mâm nằm ở trung tâm của huyện Krông Nô là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của huyện. Ngày 12/1/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 1190/NQ-UBTVQH14 về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, xã thuộc tỉnh Đăk Nông. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Nam Đà và xã Đăk Drô; phía Tây giáp xã Tân Thành; phía Nam giáp xã Đăk Drô và xã Tân Thành; phía Bắc giáp xã Nam Đà và xã Nam Xuân. Thị trấn Đăk Mâm hiện có 09 thôn, bon, tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 18,2 km².
- Quy mô dân số: 8.281 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.580 người; chiếm tỷ lệ 18,2%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nam Đà, xã Nam Xuân, xã Tân Thành và xã Đăk Drô thuộc huyện Krông Nô.

23. Xã Đăk Drô, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đăk Drô được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐBT ngày 17/01/1984 của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở chia tách một phần diện tích của xã Nam Nung, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Lăk (cũ). Ngày 30/10/1993 Chính phủ ban hành Nghị định 77/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính xã Đăk Drô và thành lập xã Đăk Mâm (*nay là thị trấn Đăk Mâm*) trên cơ sở 1.000 ha diện tích đất tự nhiên và 2.750 người của xã Đăk Drô, 2.250 ha diện tích đất tự nhiên và 1.435 người của xã Nam Đà. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp tỉnh Đăk Lăk với ranh giới là sông Krông Nô; phía Tây giáp xã Tân Thành; phía Nam giáp các xã Nam Nung và Nam N'Đir; phía Bắc giáp thị trấn Đăk Mâm và xã Nam Đà. Xã Đăk Drô hiện có 08 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 53,5 km².
- Quy mô dân số: 9.775 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 3.184 người; chiếm tỷ lệ 32,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Thị trấn Đăk Mâm, xã Tân Thành, xã Nam Nung, xã Nam N'Đir, xã Nam Đà và xã Buôn Choáh thuộc huyện Krông Nô.

24. Xã Nam Xuân, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nam Xuân được thành lập theo Nghị định 155/2007/NĐ-CP quy định về việc thành lập xã Nam Xuân thuộc huyện Krông Nô trên cơ sở điều chỉnh 2.394 ha diện tích tự nhiên và 6.687 nhân khẩu của xã Đăk Sôr; 619 ha diện tích tự nhiên của xã Nam Đà. Xã Nam Xuân là một xã nằm ở phía Tây Bắc của huyện Krông Nô. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp với thị trấn Đăk Mâm và xã Nam Đà huyện Krông Nô; phía Tây giáp với xã Đăk Gắn và xã Đăk G'la thuộc huyện Đăk Mil; phía Nam giáp xã Long Sơn thuộc huyện Đăk Mil và xã Tân Thành thuộc huyện Krông Nô; phía Bắc giáp với xã Đăk Sôr thuộc huyện Krông Nô. Xã Nam Xuân hiện có 8 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 37,7 km².
- Quy mô dân số: 8.366 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 6.075 người; chiếm tỷ lệ 72,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đăk R'la, xã Đăk Gắn, xã Long Sơn thuộc huyện Đăk Mil; thị trấn Đăk Mâm, xã Đăk Sôr, xã Tân Thành và xã Nam Đà thuộc huyện Krông Nô.

25. Xã Nam N'Đir, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nam N'Đir được thành lập theo Nghị định 100/2003/NĐ-CP ngày 29/8/2003 của Chính phủ trên cơ sở 14.409 ha đất tự nhiên và 5.154 nhân khẩu được chia tách từ xã Nam Nung. Xã Nam N'Đir nằm ở phía Nam huyện Krông Nô. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp tỉnh Đắk Lắk với ranh giới là sông Krông Nô; phía Tây giáp xã Nam Nung; phía Nam giáp xã Đức Xuyên và các huyện Đắk Glong, huyện Đắk Song; phía Bắc giáp xã Đắk Drô. Xã Nam N'Đir hiện có 08 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 114,8 km².
- Quy mô dân số: 10.343 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 6.694 người; chiếm tỷ lệ 64,7%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk Hòa thuộc huyện Đắk Song; xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắk Glong; xã Nam Nung, xã Đắk Drô và xã Đức Xuyên thuộc huyện Krông Nô.

26. Xã Tân Thành, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Tân Thành được thành lập theo Nghị định số 70/2005/NĐ-CP ngày 06/06/2005 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã. Xã Tân Thành nằm ở phía Tây huyện Krông Nô. Xã có điều kiện tiểu vùng sinh thái đặc trưng hệ sinh thái nông nghiệp của vùng Tây Nguyên. Vị trí địa lý được xác định như sau: Phía Bắc giáp xã Nam Xuân và thị trấn Đắk Mâm thuộc huyện Krông Nô; phía Nam giáp với xã Nam Nung thuộc huyện Krông Nô; phía Đông giáp xã Đắk Drô thuộc huyện Krông Nô; phía Tây giáp các xã Đắk Sắk thuộc huyện Đắk Mil và xã Đắk Mol thuộc huyện Đắk Song. Xã Tân Thành hiện có 05 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 88,1 km².
- Quy mô dân số: 4.580 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 2.404 người; chiếm tỷ lệ 52,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Long Sơn, xã Đắk Sắk thuộc huyện Đắk Mil; xã Đắk Mol thuộc huyện Đắk Song; thị trấn Đắk Mâm, xã Nam Xuân, xã Nam Nung và xã Đắk Drô thuộc huyện Krông Nô.

27. Xã Nam Nung, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nam Nung được thành lập theo Quyết định số 13/HĐBT ngày 17/1/1984 do Hội đồng Bộ trưởng ban hành. Theo đó, chia xã Nam Nung thành hai xã Nam Nung và Đắk Rồ. Ngày 9 tháng

11 năm 1987, xã Nam Nung thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Xã Nam Nung đã được công nhận là xã An toàn khu theo Quyết định số 798/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 27 tháng 6 năm 2019. Xã Nam Nung nằm ở phía Nam huyện Krông Nô. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Nam N'Đir; phía Tây giáp xã Tân Thành và huyện Đắk Song; phía Nam giáp xã Nam N'Đir và huyện Đắk Song; phía Bắc giáp các xã Tân Thành và Đắk Drô. Xã Nam Nung hiện có 06 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 104,8 km².
- Quy mô dân số: 9.312 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 4.132 người; chiếm tỷ lệ 44,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk Mol và xã Đắk Hòa thuộc huyện Đắk Song; xã Tân Thành, xã Đắk Drô và xã Nam N'Đir thuộc huyện Krông Nô.

28. Xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đức Xuyên được thành lập theo Quyết định số 106/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Xã Đức Xuyên cách trung tâm huyện Krông Nô 25 km về phía Nam. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp tỉnh Đắk Lắk với ranh giới là sông Krông Nô; phía Tây và phía Bắc giáp xã Nam N'Đir; phía Nam giáp xã Đắk Nang và huyện Đắk Glong. Xã Đức Xuyên hiện có 07 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 101,6 km².
- Quy mô dân số: 4.132 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 397 người; chiếm tỷ lệ 9,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắk Glong; xã Nam N'Đir và xã Đắk Nang thuộc huyện Krông Nô.

29. Xã Quảng Phú, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Quảng Phú được thành lập theo Quyết định 106/HĐBT ngày 10/9/1986 của Hội đồng Bộ trưởng. Theo đó, chia xã Quảng Phú thành 2 xã lấy tên là xã Quảng Phú và xã Đức Xuyên. Về vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Krông Nô (*huyện Lắk*); phía Tây giáp xã Đắk Nang; phía Nam giáp xã Quảng Sơn; phía Bắc giáp xã Ea Rbin và xã Nam Ka (*huyện Lắk*). Xã Quảng Phú hiện có 8 thôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 120,7 km².
- Quy mô dân số: 8.589 người.

- Số người dân tộc thiểu số: 4.416 người; chiếm tỷ lệ 51,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Nang thuộc huyện Krông Nô; xã Quảng Sơn và xã Quảng Hòa thuộc huyện Đắc Glong.

30. Xã Đắc Nang, huyện Krông Nô

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc Nang được thành lập theo quyết định 308/TTCP của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 25/5/1992 trên cơ sở điều chỉnh diện tích đất xã Quảng Phú và xã Đức Xuyên. Vị trí địa: Phía Đông giáp xã Quảng Phú thuộc huyện Krông Nô và xã Ea Rbin thuộc huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk; phía Tây và phía Bắc giáp xã Đức Xuyên, phía Nam giáp xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắc Glong. Xã Đắc Nang hiện có 06 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 41,2 km².
- Quy mô dân số: 4.852 người
- Số người dân tộc thiểu số: 2.467 người; chiếm tỷ lệ 50,8%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắc Glong; xã Quảng Phú và xã Đức Xuyên thuộc huyện Krông Nô.

31. Xã Đắc Mol, huyện Đắc Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc Mol được thành lập theo Quyết định số 13/1984/QĐ-HĐBT ngày 17/01/1984 của Hội đồng Bộ trưởng. Đến ngày 22/11/2006 xã Đắc Mol được chia tách thành 02 xã Đắc Hòa và Đắc Mol; theo đó xã Đắc Mol trở thành xã nằm về phía Đông Bắc huyện Đắc Song. Vị trí địa lý: Phía Bắc và phía Đông giáp xã Đắc Sắk, phía Tây giáp xã Đức Minh, phía Nam giáp xã Thuận An. Xã Đắc Mol hiện có 07 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 77,4 km².
- Quy mô dân số: 8.219 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 3.751 người; chiếm tỷ lệ 45,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Hòa, xã Đức Minh và xã Đắc Sắk thuộc huyện Đắc Mil; xã Tân Thành và xã Nam Nung thuộc huyện Krông Nô.

32. Xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc Hoà thành lập theo Nghị định 142/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ, trên cơ sở điều chỉnh 11.509

ha diện tích tự nhiên và 3.070 người của xã Đăk Mol. Xã Đăk Hoà nằm ở phía Đông Bắc huyện Đăk Song với vị trí địa lý như sau: Phía Đông giáp xã Đăk Mol và huyện Krông Nô; phía Tây giáp xã Thuận Hạnh và huyện Đăk Mil; phía Nam giáp các xã Nam Bình, Nam N'Jang và huyện Đăk G'long; phía Bắc giáp huyện Đăk Mil và xã Đăk Mol. Xã Đăk Hoà hiện có 04 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 115,8 km².
- Quy mô dân số: 4.482 người
- Số người dân tộc thiểu số: 93 người; chiếm tỷ lệ 2,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đăk Mol, xã Nam Bình, xã Nam N'Jang, xã Thuận Hạnh thuộc huyện Đăk Song; xã Đức Minh thuộc huyện Đăk Mil; xã Quảng Sơn thuộc huyện Đăk Glong.

33. Xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Thuận Hạnh được thành lập theo Nghị định số 30/2001/NĐ-CP ngày 31 tháng 06 năm 2001 của Chính phủ. Ngày 26/11/2003 xã Thuận Hạnh thuộc huyện Đăk Song quản lý. Ngày 20/10/2007 Chính phủ ban hành Nghị định Số 155/2007/NĐ-CP về việc tách, điều chỉnh địa giới hành chính của xã Thuận Hạnh, xã Đăk Song, xã Đăk N'Drung thành lập xã Thuận Hà và thị trấn Đức An, đổi tên xã Đăk Song thành xã Nam Bình thuộc huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Về vị trí địa lý: Phía Bắc giáp xã Thuận An, xã Đức Minh thuộc huyện Đăk Mil; phía Đông giáp xã Đăk Hoà, xã Nam Bình; phía Tây giáp huyện Ô Răng, huyện Petchămđă, tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia; phía Nam giáp xã Thuận Hà. Xã Thuận Hạnh hiện có 11 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao; xã biên giới.
- Diện tích tự nhiên: 73,4 km².
- Quy mô dân số: 11.691 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 409 người; chiếm tỷ lệ 3,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp biên giới 50%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thuận Hà, xã Đăk Hoà và xã Nam Bình thuộc huyện Đăk Song; xã Đức Minh và xã Thuận An thuộc huyện Đăk Mil.

34. Xã Thuận Hà, huyện Đăk Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Thuận Hà được thành lập theo Nghị định số 155/2007/NĐ-CP ngày 18/10/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện: Đăk R'lấp, Đăk Song, Đăk Glong và Krông Nô, tỉnh Đăk Nông. Xã Thuận Hà là xã biên giới nằm ở

phía Tây của huyện Đắk Song tiếp giáp với vương quốc Campuchia. Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp xã Thuận Hạnh, phía Tây giáp với đường biên giới nước bạn Campuchia, phía Đông giáp xã Nam Bình, phía Nam giáp xã Đắk N'Drung thuộc huyện Đắk Song và xã Đắk Búk So thuộc huyện Tuy Đức. Hiện nay xã có 7 thôn, bon cùng sinh sống.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao; xã biên giới.
- Diện tích tự nhiên: 56,3 km².
- Quy mô dân số: 7.545 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 2.073 người; chiếm tỷ lệ 27,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp biên giới 50%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thuận Hạnh, xã Nam Bình, xã Đắk N'Drung thuộc huyện Đắk Song; xã Đắk Búk So thuộc huyện Tuy Đức.

35. Xã Nam Bình, huyện Đắk Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nam Bình hiện nay trước đây là một phần xã Đắk Song thuộc huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Lắk được thành lập vào ngày 24 tháng 3 năm 1998. Ngày 18/10/2007 Chính phủ ban hành Nghị định 155/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã; theo đó, xã Đắk Song được đổi tên thành xã Nam Bình. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đắk Hòa; phía Tây giáp các xã Thuận Hà và Thuận Hạnh; phía Nam giáp thị trấn Đức An và các xã Đắk N'Drung, Nâm N'Jang; phía Bắc giáp các xã Thuận Hạnh và Đắk Hòa. Xã Nam Bình hiện có 07 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 80,7 km².
- Quy mô dân số: 11.947 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 463 người; chiếm tỷ lệ 3,9%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk Hòa, xã Nâm N'Jang, thị trấn Đức An, xã Đắk N'Drung, xã Thuận Hạnh và xã Thuận Hà thuộc huyện Đắk Song.

36. Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Thị trấn Đức An được thành lập theo Nghị định số 155/2007/NĐ-CP ngày 18/10/2007 của Chính phủ trên cơ sở điều chỉnh 768 ha diện tích tự nhiên và 3.180 nhân khẩu của xã Đắk Song, 525 ha diện tích tự nhiên và 1.143 nhân khẩu của xã Nâm N'Jang. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đắk Song và xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song; phía Tây giáp xã Đắk Song và Đắk N'Drung, huyện Đắk Song; phía Nam giáp xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song; phía Bắc giáp xã Đắk Song, huyện Đắk Song. Thị trấn Đức An hiện có 06 tổ dân phố, thôn, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 12,8 km².
- Quy mô dân số: 8.354 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 210 người; chiếm tỷ lệ 2,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nam Bình, xã Nậm N'Jang, xã Đắc N'Drung thuộc huyện Đắc Song.

37. Xã Đắc N'Drung, huyện Đắc Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc N'Drung được tách ra từ xã Đắc N'Drung thuộc huyện Đắc Nông, tỉnh Đắk Lắk theo Nghị định số 70/2005/NĐCP ngày 06/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Xã nằm cách trung tâm huyện trên 12 km. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp Thị trấn Đức An và xã Nậm N'Jang, phía Nam giáp với xã Trường Xuân, phía Tây giáp với huyện Tuy Đức, phía Bắc giáp với xã Thuận Hà và xã Nam Bình. Xã Đắc N'Drung hiện có 10 thôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 67,6 km².
- Quy mô dân số: 12.877 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 4.140 người; chiếm tỷ lệ 32,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nam Bình, thị trấn Đức An, xã Nậm N'Jang, xã Trường Xuân và xã Thuận Hà thuộc huyện Đắc Song; xã Đắc R'Tinh và xã Đắc Búk So thuộc huyện Tuy Đức.

38. Xã Nậm N'Jang thuộc huyện Đắc Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nậm N'Jang trước đây có tên gọi là xã Đắc Rung, được thành lập theo Quyết định số 72-BT ngày 20/4/1978 của Bộ trưởng về việc thành lập một số xã mới thuộc tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21/6/2001 Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2001/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đắc Nông và huyện Đắc Mil để thành lập huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Lắk; theo đó, xã Đắc Rung thuộc huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 06/6/2005 Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2005/NĐ - CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã, đổi tên xã thuộc các huyện Đắc R'Lấp, Đắc Song, Đắc Mil và Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; thành lập xã Nậm N'Jang trên cơ sở chia tách xã Đắc Rung thành 2 xã, gồm xã Đắc N'Drung và xã Nậm N'Jang. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Quảng Sơn huyện Đắc G'Long, phía Tây giáp xã Đắc N'Drung, phía Nam giáp xã Trường Xuân, phía Bắc giáp thị trấn Đức An, xã Nam Bình và xã Đắc Hòa. Xã Nậm N'Jang hiện có 09 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.

- Diện tích tự nhiên: 164,8 km².
- Quy mô dân số: 12.447 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.028 người; chiếm tỷ lệ 8,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk N'Drung, thị trấn Đức An, xã Nam Bình, xã Đắk Hòa, xã Trường Xuân; xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắk G'Long; phường Quảng Thành thuộc thành phố Gia Nghĩa.

39. Xã Trường Xuân thuộc huyện Đắk Song

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Trường Xuân được thành lập theo Nghị định số 30/2001/NĐ-CP ngày 21/6/2001 của Chính phủ trên cơ sở tách ra từ xã Đắk Rung. Xã Trường Xuân cách trung tâm huyện Đắk Song 25 km về phía Nam và cách trung tâm Thành phố Gia Nghĩa 16 km về phía Bắc. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp Phường Quảng Thành Thành phố Gia Nghĩa và xã Nam N'Jang huyện Đắk Song; phía Tây giáp xã Đắk R'Tit và xã Quảng Tân huyện Tuy Đức; phía Nam giáp Phường Quảng Thành và xã Đắk R'Moan Thành phố Gia Nghĩa; phía Bắc giáp xã Nam N'Jang và xã Đắk N'Drung huyện Đắk Song. Xã Trường Xuân hiện có 10 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 157,7 km².
- Quy mô dân số: 14.391 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 4.901 người, chiếm tỷ lệ 34%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk N'Drung, xã Nam N'Jang; phường Quảng Thành và xã Đắk R'Moan thuộc thành phố Gia Nghĩa; xã Đắk R'Tit và xã Quảng Tân thuộc huyện Tuy Đức.

40. Xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk R'Măng được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Quảng Sơn và xã Quảng Khê, xã Đắk R'Măng chính thức đi vào hoạt động kể từ năm 1988; Xã Đắk R'Măng nằm ở phía Đông của huyện Đắk Glong. Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp xã Quảng Sơn; phía Tây giáp xã Đắk Ha; phía Nam giáp xã Đắk Plao, xã Đắk Som và phía Đông giáp xã Phi Liêng, xã Đa K'Nàng thuộc huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Xã Đắk R'Măng hiện có 07 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 226,3 km².
- Quy mô dân số: 10.449 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 8.669 người; chiếm tỷ lệ 83%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Quảng Sơn, xã Đắk Ha, xã Đắk Plao, xã Đắk Som.

41. Xã Đắk Som, huyện Đắk Glong

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Som được thành lập năm 1998, khi điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên để tái lập xã Đắk Plao (*theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 6/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ*). Vị trí địa lý: Phía Đông và phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp các xã Quảng Khê, Đắk Plao và tỉnh Lâm Đồng; phía Bắc giáp xã Đắk R'măng. Xã Đắk Som hiện có 09 thôn, buôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 305,0 km².
- Quy mô dân số: 12.254 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 9.684 người; chiếm tỷ lệ 79%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đắk R'măng, xã Đắk Plao, xã Quảng Khê.

42. Xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Plao được thành lập theo Quyết định số 13-HĐBT ngày 17/01/1984 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Đắk Lắk. Ngày 6/7/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết 28/NQ-CP theo đó giải thể xã Đắk Plao (*do địa bàn nằm trong hồ thủy điện Đồng Nai 3*) và điều chỉnh toàn bộ 22.974 ha diện tích tự nhiên, 712 người của xã Đắk Plao về xã Đắk Som quản lý, thành lập xã Đắk Plao mới trên cơ sở điều chỉnh diện tích tự nhiên và dân số của xã Quảng Khê và xã Đắk Plao cũ. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp các xã: Đắk R'măng, Đắk Som; phía Tây giáp các xã: Đắk Ha, Quảng Khê, huyện Đắk Glong và xã Đắk Nia thuộc thị xã Gia Nghĩa; phía Nam giáp các xã: Quảng Khê, Đắk Som; phía Bắc giáp các xã: Đắk R'măng, Đắk Ha thuộc huyện Đắk Glong. Xã Đắk Plao hiện có 05 thôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 109,1 km²
- Quy mô dân số: 3.794 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 3.124 người; chiếm tỷ lệ 82,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắk R'măng, xã Đắk Som, xã Đắk Ha và xã Quảng Khê thuộc huyện Đắk Glong; xã Đắk Nia thuộc thành phố Gia Nghĩa.

43. Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Quảng Khê được thành lập từ sau

ngày giải phóng năm 1975, thời gian từ năm 1998 trở về trước thì Lâm trường Quảng Khê có vai trò chủ đạo, chi phối toàn bộ đời sống - xã hội của địa phương. Ngày 17/01/1984 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 13-HDBT chia xã Quảng Khê thành 02 xã: Xã Quảng Khê và xã Đắc Plao thuộc huyện Đắc Nông, tỉnh Đắc Lắc. Năm 2005, theo Nghị định số 82/2005/NĐ-CP, ngày 27/6/2005 của Chính Phủ, xã Quảng Khê trở thành xã trung tâm của huyện Đắc Glong. Vị trí địa lý của xã Đắc Plao: Phía Đông giáp các xã Đắc R'măng, Đắc Som; phía Tây giáp các xã Đắc Ha, Quảng Khê, huyện Đắc Glong và xã Đắc Nia, thị xã Gia Nghĩa; phía Nam giáp các xã Quảng Khê, Đắc Som; phía Bắc giáp các xã Đắc R'măng, Đắc Ha, huyện Đắc Glong. Xã Quảng Khê hiện có 12 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao, có di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh được công nhận.

- Diện tích tự nhiên: 115,2 km².

- Quy mô dân số: 14.031 người.

- Số người dân tộc thiểu số: 4.467 người; chiếm tỷ lệ 31,8%,

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Som và xã Đắc Plao thuộc huyện Đắc Glong; xã Đắc Nia thuộc thành phố Gia Nghĩa.

44. Xã Đắc Ha, huyện Đắc Glong

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc Ha được thành lập theo Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 26/01/1989 của Chính phủ. Trước đây xã Đắc Ha là một xã thuộc huyện Đắc Nông, tỉnh Đắc Lắc. Ngày 27/6/2005, huyện Đắc Nông được chia thành hai đơn vị hành chính là thị xã Gia Nghĩa và huyện Đắc Glong, xã Đắc Ha thuộc huyện Đắc Glong như hiện nay. Xã Đắc Ha nằm ở phía Bắc huyện Đắc Glong; phía Đông giáp xã Đắc R'măng và xã Quảng Sơn; phía Tây giáp thành phố Gia Nghĩa; phía Nam giáp xã Đắc Plao; phía Bắc giáp xã Quảng Sơn. Xã Đắc Ha hiện có 8 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.

- Diện tích tự nhiên: 152,80 km².

- Quy mô dân số: 12.341 người.

- Số người dân tộc thiểu số: 5.836 người, chiếm tỷ lệ 48,0 %.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Plao, xã Đắc R'măng, xã Quảng Sơn; phường Quảng Thành, phường Nghĩa Đức, xã Đắc Nia thuộc thành phố Gia Nghĩa.

45. Phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Quảng Thành được thành lập ngày 17/12/2019 theo Nghị quyết 835/NQ-UBTVQH14 (nghị quyết có

hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị trí địa lý: Phường Quảng Thành nằm ở phía Bắc của thành phố Gia Nghĩa; phía Đông và phía Bắc giáp huyện Đắk Glong; phía Tây giáp huyện Đắk Song và xã Đắk R'Moan; phía Nam giáp các phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Phú và phường Nghĩa Thành. Phường Quảng Thành hiện có 7 tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 77,6 km².
- Quy mô dân số: 5.028 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 821 người; chiếm tỷ lệ 16,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quảng Sơn, xã Đắk Ha thuộc huyện Đắk Glong; xã Nam N'Jang, xã Trường Xuân thuộc huyện Đắk Song; xã Đắk R'Moan, phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Phú và phường Nghĩa Thành thuộc thành phố Gia Nghĩa.

46. Xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk R'moan được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ-CP ngày 27/6/2005 của Chính phủ về việc thành lập các xã, phường thuộc thị xã Gia Nghĩa, trên cơ sở tách từ xã Quảng Thành cũ. Xã Đắk R'moan nằm cách trung tâm thành phố Gia Nghĩa 18km, là xã vùng ven của đô thị Gia Nghĩa với vị trí địa lý khá thuận lợi trong việc phát triển kinh tế văn hoá, xã hội. Phía Đông giáp phường Quảng Thành và phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa; phía Tây giáp xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp; phía Nam giáp xã Nhân Cơ thuộc huyện Đắk R'Lấp; phía Bắc giáp xã Trường Xuân thuộc huyện Đắk Song. Xã Đắk R'Moan hiện có 08 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 49,1 km².
- Quy mô dân số: 5.863 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.001 người; chiếm tỉ lệ 17,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắk Wer, xã Nhân Cơ thuộc huyện Đắk R'Lấp, xã Trường Xuân thuộc huyện Đắk Song; phường Quảng Thành và phường Nghĩa Phú thuộc thành phố Gia Nghĩa.

47. Phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Nghĩa Phú được thành lập theo Nghị định 82/2005/NĐ CP ngày 27 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ trên cơ sở điều chỉnh 699 ha diện tích tự nhiên và 1.828 người của thị trấn Gia Nghĩa, điều chỉnh 614 ha diện tích tự nhiên và 512 người của xã Quảng Thành. Ngày 17/12/2019 Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 835/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thành phố Gia Nghĩa thuộc tỉnh Đắk Nông.

Phường Nghĩa Phú là một phường thuộc thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Phường Nghĩa Phú nằm ở trung tâm thành phố Gia Nghĩa, có vị trí địa lý: Phía Đông giáp các phường Nghĩa Thành và Nghĩa Tân; phía Tây giáp xã Đắk R'Moan; phía Nam giáp phường Nghĩa Tân và huyện Đắk R'lấp; phía Bắc giáp phường Quảng Thành. Phường Nghĩa Phú hiện có 8 tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao
- Diện tích tự nhiên: 12,9 km².
- Quy mô dân số: 7.759 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 397 người; chiếm tỉ lệ 5,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nhân Cơ thuộc huyện Đắk R'Lấp, phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Tân và xã Đắk R'Moan thuộc thành phố Gia Nghĩa.

48. Phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Nghĩa Thành được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ-CP ngày 27/6/2005 của Chính phủ; Phường Nghĩa Thành nằm ở phía Tây Bắc của thành phố Gia Nghĩa, cách trung tâm thành phố khoảng 02 km, với vị trí địa lý như sau: Phía Bắc giáp phường Quảng Thành; phía Đông giáp phường Nghĩa Đức; phía Nam giáp phường Nghĩa Tân; phía Tây giáp phường Nghĩa Phú; với địa hình đa dạng, phức tạp, có nhiều đồi núi thấp; độ cao trung bình từ 600m đến 800m. Phường Nghĩa Thành hiện có 10 tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 3,1 km².
- Quy mô dân số: 11.439 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 286 người; chiếm tỉ lệ 2,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Phú, phường Nghĩa Đức và phường Quảng Thành thuộc thành phố Gia Nghĩa.

49. Phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Nghĩa Đức được thành lập theo Nghị định 82/2005/ND-CP ngày 27/6/2025 của Chính phủ. Phường Nghĩa Đức là phường trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, Quốc phòng An ninh của thành phố Gia Nghĩa với diện tích tự nhiên 1,702.78 ha. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đắk Nia, phía Tây giáp với phường Nghĩa Thành; phía Nam giáp với phường Nghĩa Trung; phía Bắc giáp phường Quảng Thành và Đắk Ha. Phường Nghĩa Đức hiện có 05 tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.

- Diện tích tự nhiên: 17,0 km².
- Quy mô dân số: 8.952 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 452 người; chiếm tỉ lệ 5,0%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đăk Ha thuộc huyện Đăk Glong; xã Đăk Nia, phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành và phường Nghĩa Trung thuộc thành phố Gia Nghĩa.

50. Xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đăk Nia được thành lập theo Nghị định 82/2005/NĐ-CP ngày 27/6/2005 của Chính phủ. Xã Đăk Nia nằm ở phía Đông Nam của thành phố Gia Nghĩa, cách trung tâm thành phố 10km. Vị trí địa lý của xã khá thuận lợi trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, cụ thể: Phía Bắc giáp phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa; xã Đăk Ha, huyện Đăk Glong; phía Nam giáp xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xã Nhân Đạo (*huyện Đăk R'Lấp*); phía Đông giáp xã Đăk Ha, xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong; phía Tây giáp phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa và xã Nhân Cơ thuộc huyện Đăk R'Lấp. Xã Đăk Nia hiện có 12 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 93,5 km².
- Quy mô dân số: 11.639 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 3.796 người; chiếm tỷ lệ 32,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quảng Khê, xã Đăk Plao và xã Đăk Ha thuộc huyện Đăk Glong; xã Nhân Đạo và xã Nhân Cơ thuộc huyện Đăk R'Lấp; phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Trung, phường Nghĩa Tân thuộc thành phố Gia Nghĩa.

51. Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Nghĩa Trung thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ-CP ngày 27/06/2005 của Chính Phủ. Phường Nghĩa Trung là phường trung tâm của thành phố Gia Nghĩa có Quốc lộ 28 đi qua. Vị trí địa lý: Phía Đông và phía Nam giáp xã Đăk Nia; phía Tây giáp phường Nghĩa Tân; phía Bắc giáp phường Nghĩa Đức. Phường Nghĩa Trung hiện có 06 tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 12,3 km².
- Quy mô dân số: 12.560 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 643 người; chiếm tỉ lệ 5,1%.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Thành và xã Đắk Nia thuộc thành phố Gia Nghĩa.

52. Phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Nghĩa Tân được thành lập theo Nghị định 82/NĐ-CP ngày 27/6/2005 của Chính Phủ trên cơ sở 1.215 ha diện tích tự nhiên và 3.161 nhân khẩu của thị trấn Gia Nghĩa, 513 ha diện tích tự nhiên và 484 nhân khẩu của xã Đắk Nia. Về vị trí địa lý: Phía Đông giáp phường Nghĩa Trung; phía Tây giáp phường Nghĩa Phú và huyện Đắk R'Lấp; phía Nam giáp xã Đắk Nia; phía Bắc giáp phường Nghĩa Phú và phường Nghĩa Thành. Phường Nghĩa Tân hiện có 06 tổ dân phố.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 18,6 km².
- Quy mô dân số: 10.028 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 904 người; chiếm tỉ lệ 9,0%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Phụ cấp khu vực hệ số 0,5.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nhân Cơ thuộc huyện Đắk R'Lấp; xã Đắk Nia, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Trung, phường Nghĩa Phú thuộc thành phố Gia Nghĩa.

53. Xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Quảng Tâm được thành lập theo Nghị định số 142/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, huyện. Ngày 15/12/2006 UBND huyện Đắk R'Lấp ban hành Quyết định về việc thành lập Ủy ban lâm thời xã Quảng Tâm trên cơ sở 3.088 ha diện tích tự nhiên, 680 người của xã Đắk R'Tih; 3.907 ha diện tích tự nhiên, 2.348 người của xã Đắk Búk So và được chuyển từ huyện Đắk R'Lấp về huyện Tuy Đức mới thành lập. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp với xã Đắk Búk So và xã Đắk R'Tih, huyện Tuy Đức; phía Tây giáp xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức; phía Nam giáp xã Đắk R'Tih và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức; phía Bắc giáp xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức. Xã Quảng Tâm hiện có 05 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 70,3 km².
- Quy mô dân số: 6.959 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 2.501 người; chiếm tỷ lệ 29,5 %.
- + Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.
- + Hưởng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong

lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đắc Búk So, xã Đắc R'Tíh, xã Quảng Trục, xã Đắc Ngo thuộc huyện Tuy Đức.

54. Xã Đắc R'Tíh, huyện Tuy Đức

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc R'Tíh được tách ra từ xã Quảng Tân vào năm 1988, khi mới thành lập xã thuộc huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Lắc. Năm 2007, xã Đắc R'Tíh được tách ra khỏi huyện Đắc R'Lấp để thành lập huyện Tuy Đức và có tên gọi đầy đủ đến bây giờ là: Xã Đắc R'Tíh, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp huyện Đắc Song; phía Tây giáp xã Đắc Ngo; phía Nam giáp xã Quảng Tân; phía Bắc giáp các xã Quảng Tâm và Đắc Búk So. Xã Đắc R'Tíh hiện có 11 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.

- Diện tích tự nhiên: 112,2 km².

- Quy mô dân số: 11.437 người.

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.296 người; chiếm tỷ lệ 63,7 %.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng:

+ Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

+ Hưởng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Trường Xuân và xã Đắc N'Drung thuộc huyện Đắc Song; xã Đắc Búk So, xã Quảng Tâm, xã Đắc Ngo và xã Quảng Tân thuộc huyện Tuy Đức.

55. Xã Đắc Búk So, huyện Tuy Đức

- Lịch sử hình thành và phát triển. Xã Đắc Búk So được thành lập theo Nghị định 142/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 Nghị định của Chính phủ. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đắc N'Drung thuộc huyện Đắc Song; phía Tây giáp xã Quảng Trục thuộc huyện Tuy Đức và vương Quốc Campuchia; phía Nam giáp xã Đắc R'Tíh và xã Quảng Tâm thuộc huyện Tuy Đức; phía Bắc giáp Thuận Hà thuộc huyện Đắc Song. Xã Đắc Búk So gồm 12 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao, có di tích lịch sử cấp tỉnh được công nhận, có đường biên giới Quốc gia.

- Diện tích tự nhiên: 83,5 km².

- Quy mô dân số: 13.390 người.

- Số người dân tộc thiểu số: 2.506 người; chiếm tỉ lệ 18,7 %.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng:

- + Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.
- + Phụ cấp biên giới
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc N'Drung, xã Thuận Hà thuộc huyện Đắc Song; xã Quảng Trục, xã Đắc R'Tíh, xã Quảng Tâm thuộc huyện Tuy Đức.

56. Xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Quảng Tân được thành lập theo Quyết định số 19-HĐBT ngày 22/2/1986 của Hội đồng Bộ trưởng theo đó; xã Quảng Tân là một xã thuộc huyện Đắc Nông, tỉnh Đắc Lắc. Ngày 22/11/2006 Chính phủ ban hành Nghị định 142/2006/NĐ-CP; chuyển xã Quảng Tân về huyện Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Trường Xuân, huyện Đắc Song; phía Tây giáp xã Đắc Ngo thuộc huyện Tuy Đức; phía Nam giáp thị trấn Kiến Đức, xã Đắc Wer, Kiến Thành, Quảng Tín thuộc huyện Đắc R'lấp; phía Bắc giáp xã Đắc R'Tíh thuộc huyện Tuy Đức. Xã Quảng Tân hiện có 21 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao, xã trọng điểm phức tạp về trật tự, an toàn xã hội.

- Diện tích tự nhiên: 127,0 km².
- Quy mô dân số: 15.721 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 5.010 người; chiếm tỉ lệ 31,9 %.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng:
- + Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

+ Hưởng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Ngo, xã Đắc R'Tíh; xã Trường Xuân thuộc huyện Đắc Song; xã Đắc Wer, xã Kiến Thành, xã Quảng Tín, thị trấn Kiến Đức thuộc huyện Đắc R'lấp.

57. Xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắc Ngo được thành lập theo Nghị định số 142/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, huyện, thành lập xã thuộc các huyện Đắc R'lấp, Đắc Song, Đắc Mil và thành lập huyện Tuy Đức thuộc tỉnh Đắc Nông. Theo đó: Thành lập xã Đắc Ngo trên cơ sở điều chỉnh 2.249 ha diện tích tự nhiên của xã Đắc Ru; 14.537 ha diện tích tự nhiên và 3.029 người của xã Quảng Tín; chuyển xã Đắc Ngo về huyện Tuy Đức mới thành lập. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp các xã Quảng Tân và Đắc R'Tíh; phía Tây giáp xã Quảng Trục và tỉnh Bình Phước;

phía Nam giáp huyện Đắk R'lấp; phía Bắc giáp xã Quảng Tâm. Xã Đắk Ngo hiện có 13 thôn, bon.

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 167,1 km².
- Quy mô dân số: 15.464 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 10.368 người; chiếm tỷ lệ 67,0%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng:
- + Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

+ Hưởng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quảng Trục, xã Quảng Tâm, xã Đắk R'Tih, xã Quảng Tân; xã Quảng Tín, xã Đắk Ru thuộc huyện Đắk R'Lấp.

58. Xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Wer được thành lập ngày 6/6/2005 theo Nghị định số 70/2005/NĐ-CP của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã, đổi tên xã thuộc các huyện Đắk R'lấp, Đắk Song, Đắk Mil và Krông Nô thuộc tỉnh Đắk Nông. Qua đó, thành lập xã Đắk Wer thuộc huyện Đắk R'lấp trên cơ sở tách 4.572 ha diện tích tự nhiên và 6.078 nhân khẩu từ xã Nhân Cơ. Vị trí địa lý: Xã Đắk Wer nằm ở phía Đông của huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông; cụ thể: Phía Đông giáp thành phố Gia Nghĩa; phía Tây giáp xã Kiến Thành; phía Nam giáp các xã Nghĩa Thắng và Nhân Cơ; phía Bắc giáp huyện Tuy Đức. Xã Đắk Wer hiện có 10 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 45,7 km².
- Quy mô dân số: 9.598 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.855 người; chiếm tỉ lệ 19,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Kiến Thành, xã Nghĩa Thắng, xã Nhân Cơ và xã Nhân Đạo thuộc huyện Đắk R'Lấp; xã Đắk R'moan thuộc Thành phố Gia Nghĩa; xã Quảng Tân thuộc huyện Tuy Đức và xã Trường Xuân thuộc huyện Đắk Song.

59. Thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Thị trấn Kiến Đức được thành lập vào ngày 27/7/1999 theo Nghị định số 61/1999/NĐ-CP của Chính phủ. Thị trấn Kiến Đức được thành lập trên cơ sở 1.560 ha diện tích tự nhiên và 4.574 nhân khẩu của xã Kiến Đức. Trước khi trở thành thị trấn, Kiến Đức là một xã được

thành lập vào ngày 1/7/1988, có diện tích tự nhiên là 3.200 ha, dân số khoảng 710 hộ với 2.679 khẩu và được chia thành 4 thôn. Đến ngày 30/6/2015, thị trấn Kiến Đức được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại IV. Năm 2019, một số tổ dân phố của thị trấn đã được sáp nhập. Về mặt địa lý, thị trấn Kiến Đức nằm ở trung tâm huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Thị trấn Kiến Đức cách thành phố Gia Nghĩa 24 km về phía Tây theo Quốc lộ 14. Phía Bắc của thị trấn giáp huyện Tuy Đức, các phía còn lại giáp xã Kiến Thành. Thị trấn Kiến Đức hiện có 08 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 16,0 km².
- Quy mô dân số: 14.474 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.259 người; chiếm tỉ lệ 8,7%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,4.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Kiến Thành thuộc huyện Đắk R'Lấp và xã Quảng Tân thuộc huyện Tuy Đức.

60. Xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Kiến Thành thành lập theo Nghị định số 61/1999/NĐ-CP ngày 27/7/1999 của Chính Phủ. Sự ra đời của xã Kiến Thành có mối liên hệ trực tiếp với việc thành lập thị trấn Kiến Đức. Nghị định này đồng thời quyết định thành lập thị trấn Kiến Đức trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Kiến Đức trước đó, phần còn lại của xã Kiến Đức sau khi đã điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập thị trấn đã được đổi tên thành xã Kiến Thành. Về vị trí địa lý: Xã Kiến Thành giáp với xã Đắk Wer ở phía Đông; giáp thị trấn Kiến Đức và xã Quảng Tín ở Phía Tây; phía Nam giáp các xã Đắk Sin, xã Nghĩa Thắng và giáp huyện Tuy Đức ở Phía Bắc. Xã Kiến Thành hiện có 10 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 44,4 km².
- Quy mô dân số: 8.343 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 222 người; chiếm tỉ lệ 2,7%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Quảng Tân thuộc huyện Tuy Đức; thị trấn Kiến Đức, xã Đắk Wer, xã Quảng Tín, xã Đắk Sin và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Đắk R'Lấp.

61. Xã Quảng Tín, huyện Đắk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Quảng Tín được thành lập vào ngày 13/6/1965 với tên gọi là xã Kiến Tín, thuộc quận Kiến Đức, tỉnh Quảng Đức. Đến ngày 14/4/1976, xã Kiến Tín được đổi tên thành xã Quảng Tín và chuyển về huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk. Về vị trí địa lý: Xã Quảng Tín nằm ở phía

Tây huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông và có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp các xã Kiến Thành và Đắk Sin; phía Tây giáp xã Đắk Ru và huyện Tuy Đức; phía Nam giáp các xã Đắk Ru và Đắk Sin; phía Bắc giáp huyện Tuy Đức. Xã Quảng Tín hiện có 14 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 53,0 km².
- Quy mô dân số: 11.706 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 3.538 người; chiếm tỷ lệ 30,2%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Kiến Thành, xã Đắk Sin và xã Đắk Ru thuộc huyện Đắk R'lấp; xã Đắk Ngo và xã Quảng Tân thuộc huyện Tuy Đức.

62. Xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Sin được thành lập theo Quyết định số 313/TC-CP ngày 26/5/1992. Việc thành lập xã Đắk Sin là kết quả của việc phân rạch, điều chỉnh địa giới hành chính giữa xã Đạo Nghĩa và xã Quảng Tín. Cụ thể, xã Đắk Sin được thành lập trên cơ sở 12.600 ha diện tích tự nhiên và 1.349 người của xã Đạo Nghĩa, cùng với 5.400 ha diện tích tự nhiên từ xã Quảng Tín. Về mặt vị trí địa lý: Xã Đắk Sin nằm ở phía Nam của huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Nghĩa Thắng và Đạo Nghĩa, huyện Đắk Song; phía Tây giáp xã Quảng Tín; phía Nam giáp các xã Hưng Bình và Nâm N'Jang, huyện Đắk Song; phía Bắc giáp các xã Kiến Thành và Quảng Tín. Xã Đắk Sin hiện có 11 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 101,4 km².
- Quy mô dân số: 7.736 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 705 người; chiếm tỉ lệ 9,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Đạo Nghĩa, xã Nghĩa Thắng, xã Đắk Ru, xã Hưng Bình, xã Kiến Thành và xã Quảng Tín thuộc huyện Đắk R'Lấp.

63. Xã Đắk Ru thuộc, huyện Đắk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đắk Ru được thành lập theo Nghị định số 100/2003/NĐ-CP ngày 29/8/2003 của Chính phủ. Xã được thành lập trên cơ sở 8.969 ha diện tích tự nhiên và 6.537 người của xã Quảng Tín. Đến ngày 22/11/2006 xã Đắk Ru lại có sự điều chỉnh địa giới hành chính khi một phần diện tích tự nhiên (2.249 ha) được sử dụng để cùng với một phần diện tích và dân số của xã Quảng Tín thành lập xã Đắk Ngo. Về vị trí địa lý: Xã Đắk Ru nằm ở phía Tây Nam của huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, phía Đông giáp xã

Quảng Tín và xã Đắc Sin, phía Tây giáp tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp xã Hưng Bình, phía Bắc giáp xã Đắc Ngo thuộc huyện Tuy Đức. Xã Đắc Ru hiện có 11 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 67,0 km².
- Quy mô dân số: 11.104 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 2.907 người; chiếm tỉ lệ 26,1%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Đắc Ngo thuộc huyện Tuy Đức; xã Quảng Tín, xã Đắc Sin và xã Hưng Bình thuộc huyện Đắc R'lấp.

64. Xã Nghĩa Thắng, huyện Đắc R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nghĩa Thắng được thành lập theo Nghị định số 142/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ. Xã Nghĩa Thắng được hình thành trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính của xã Đạo Nghĩa, với việc chuyển giao 4.690,83 ha và 6.762 người từ xã Đạo Nghĩa sang xã Nghĩa Thắng mới. Xã Nghĩa Thắng nằm ở phía Nam của huyện Đắc R'lấp, cách trung tâm huyện khoảng 12 km. Vị trí địa lý: Xã Nghĩa Thắng giáp với xã Đắc Wer ở phía Nam và giáp với xã Đắc Sin ở phía Đông. Xã Nghĩa Thắng hiện có 10 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 47,8 km².
- Quy mô dân số: 10.054 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 658 người; chiếm tỉ lệ 6,5%
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Nhân Đạo, xã Đắc Sin, xã Đạo Nghĩa, xã Đắc Wer và xã Kiên Thành thuộc huyện Đắc R'lấp.

65. Xã Nhân Đạo, huyện Đắc R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nhân Đạo được thành lập vào ngày 31/12/2002 trên cơ sở 6.500 ha diện tích tự nhiên và 4.051 người của xã Đạo Nghĩa. Việc thành lập xã Nhân Đạo là một phần trong quá trình tiếp tục phân chia và điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp xã trong huyện Đắc R'Lấp. Đến ngày 30/9/2019 Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND về việc sáp nhập một phần thôn 1 vào thôn 3 và phần còn lại thôn 1 vào thôn 4 của xã Nhân Đạo. Về vị trí địa lý: Xã Nhân Đạo nằm ở phía Đông Nam huyện Đắc R'lấp; phía Đông giáp xã Nhân Cơ và thành phố Gia Nghĩa; phía Tây giáp xã Nghĩa Thắng; phía Nam giáp các xã Nghĩa Thắng, Đạo Nghĩa và tỉnh Lâm Đồng; phía Bắc giáp xã Nhân Cơ. Xã Nhân Đạo hiện có 07 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 66,6 km².
- Quy mô dân số: 5.230 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 543 người; chiếm tỉ lệ 10,3%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Đăk Nia thuộc thành phố Gia Nghĩa; xã Nhân Cơ, xã Nghĩa Thắng và xã Đạo Nghĩa thuộc huyện Đăk R'lấp.

66. Xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Nhân Cơ được thành lập vào ngày 8/3/1988. Đến ngày 6/6/2005 Chính phủ ban hành nghị định 70/2005/NĐ-CP về việc thành lập xã Đăk Wer trên cơ sở chuyển một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Nhân Cơ. Vị trí địa lý: Xã Nhân Cơ nằm ở phía Đông huyện Đăk R'lấp; phía Đông giáp thành phố Gia Nghĩa; phía Tây giáp xã Đăk Wer; phía Nam giáp xã Nhân Đạo; phía Bắc giáp xã Đăk Wer và thành phố Gia Nghĩa. Xã Nhân Cơ hiện có 11 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 45,7 km².
- Quy mô dân số: 13.070 người;
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.392 người; chiếm tỉ lệ 10,6%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Đăk Wer và xã Nhân Đạo thuộc huyện Đăk R'lấp; xã Đăk Nia, xã Đăk R'Moan, phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Phú thuộc thành phố Gia Nghĩa.

67. Xã Đạo Nghĩa, huyện Đăk R'lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Đạo Nghĩa được thành lập vào ngày 6/8/1965 thuộc quận Kiến Đức, tỉnh Quảng Đức. Sau năm 1975 xã Đạo Nghĩa trở thành một xã thuộc huyện Đăk Nông, tỉnh Đăk Lăk. Đến ngày 22/2/1986 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 19- HĐBT, theo đó xã Đạo Nghĩa được chuyển về huyện Đăk R'lấp mới thành lập; xã Đạo Nghĩa đã trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các xã mới. Ngày 22/11/2006 Chính phủ ban hành Nghị định 142/2006/NĐ-CP về việc thành lập xã Nghĩa Thắng trên cơ sở điều chỉnh 5.029,48 ha diện tích tự nhiên và 6.762 người của xã Đạo Nghĩa. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Nhân Đạo và tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp xã Đăk Sin; phía Nam giáp xã Đăk Sin và tỉnh Lâm Đồng; phía Bắc giáp xã Nghĩa Thắng. Xã Đạo Nghĩa hiện có 06 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao;
- Diện tích tự nhiên: 59,4 km².

- Quy mô dân số: 6.057 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 85 người; chiếm tỉ lệ 1,4%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,5.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Nhân Đạo, xã Đắc Sin và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Đắc R'Lấp.

68. Xã Hưng Bình, huyện Đắc R'Lấp

- Lịch sử hình thành và phát triển: Xã Hưng Bình được thành lập theo nghị định 155/2007-NĐ-CP ngày 18/10/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Đắc R'lấp, huyện Đắc Song, Đắc Glong và Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vị trí địa lý: Phía Đông giáp xã Đắc Sin; phía Tây giáp tỉnh Bình Phước; phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng (*ranh giới là sông Đồng Nai*); phía Bắc giáp xã Đắc Ru. Xã Hưng Bình hiện có 06 thôn, bon, buôn.

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao.
- Diện tích tự nhiên: 88,7 km².
- Quy mô dân số: 4.045 người.
- Số người dân tộc thiểu số: 1.071 người; chiếm tỉ lệ 26,5%.
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Được hưởng phụ cấp khu vực 0,7.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề: Xã Đắc Sin và xã Đắc Ru thuộc huyện Đắc R'Lấp.

III. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

Toàn tỉnh có tổng **03 đơn vị** không thực hiện sắp xếp, cụ thể gồm: Xã Quảng Hòa, xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắc Glong; xã Quảng Trục thuộc huyện Tuy Đức. Trong đó:

1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp.

Tổng số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện chế độ sắp xếp là **02 đơn vị**: Xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắc Glong; xã Quảng Trục thuộc huyện Tuy Đức.

a) Xã Quảng Sơn thuộc huyện Đắc Glong

- Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.
- + Diện tích tự nhiên: 454,2 km²; đạt tỷ lệ 454,2% so với tiêu chuẩn.
- + Quy mô dân số: 22.018 người; đạt tỷ lệ 440,36% so với tiêu chuẩn.
- + Số dân là người dân tộc thiểu số: 10.470 người, chiếm tỷ lệ 47,6%.
- + Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề sau sắp xếp: Xã Quảng Hòa, xã Tà Đùng, xã Quảng Phú, xã Nậm Nung, xã Đắc Song, xã Trường Xuân, phường Bắc Gia Nghĩa.

b) Xã Quảng Trục thuộc huyện Tuy Đức

- Yếu tố đặc thù: Miền núi, vùng cao; có yếu tố đặc thù: là xã biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, có di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt (*đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh*), di tích lịch sử được cấp tỉnh xếp hạng (*di tích lịch sử đồn biên phòng Bu P'răng, di tích lịch sử Sở trà Bu Prăng*).

- Diện tích tự nhiên: 558,8 km²; đạt tỷ lệ 558,8% so với tiêu chuẩn.

- Quy mô dân số: 11.168 người; đạt tỷ lệ 223,36% so với tiêu chuẩn.

- Số người dân tộc thiểu số: 5.110 người; chiếm tỷ lệ 45,8 %.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng:

+ Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

+ Hưởng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề hiện nay: Xã Đắc Ngo, xã Quảng Tâm, xã Đắc Búk So thuộc huyện Tuy Đức.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề sau sắp xếp: Xã Tuy Đức, xã Quảng Tân.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù.

a. Số lượng: 01 đơn vị, trong đó:

- Xã biệt lập: Xã Quảng Hòa thuộc huyện Đăk Glong.

+ Yếu tố đặc thù: Xã miền núi, vùng cao.

+ Diện tích tự nhiên: 85,4 km²; chiếm tỷ lệ **85,4%**.

+ Quy mô dân số: 8.594 người; chiếm tỷ lệ 171,88%.

+ Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.638 người, chiếm tỷ lệ 88,9%.

+ Các chính sách đặc thù đang hưởng: Hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,7.

+ Các ĐVHC cùng cấp liền kề hiện nay: Xã Quảng Sơn thuộc huyện Đăk Glong, xã Quảng Phú thuộc huyện Krông Nô.

+ Các ĐVHC cùng cấp liền kề sau sắp xếp: Xã Quảng Sơn và xã Quảng Phú.

b. Giải trình yếu tố đặc thù:

- Đối với xã biệt lập: Xã Quảng Hòa thuộc huyện Đăk Glong là xã miền núi, vùng cao; có tỷ lệ dân tộc thiểu số 88,9%, nằm biệt lập với các ĐVHC liền

kê thuộc tỉnh Đắk Nông; có khoảng cách từ trung tâm xã Quảng Hòa đến trung tâm các xã khác khoảng 40 km; địa hình chia cắt, đi lại vô cùng khó khăn. Hiện đang hưởng chính sách đặc thù với hệ số phụ cấp khu vực 0,7; đề xuất giữ nguyên. Định hướng thời gian tới, khi thực hiện sáp nhập tỉnh theo chỉ đạo Trung ương (*sáp nhập tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Thuận*), sẽ nghiên cứu sáp nhập xã Quảng Hòa vào xã Đa Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng để thuận tiện cho người dân đi lại (*khoảng cách những xã này chỉ 3 đến 5 km*).

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập xã Đắk Wil trên cơ sở nhập hai ĐVHC cấp xã: Xã Đắk Wil, xã Ea Pô

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Đắk Wil mới có diện tích tự nhiên 515 km² (*đạt tỷ lệ 515% so với tiêu chuẩn*), quy mô dân số: 24.344 người (*đạt tỷ lệ 487% so với tiêu chuẩn*).

- Số đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Xã Nam Dong, xã Thuận An, xã Đắk Mil.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Ea Pô hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Ea Pô và xã Đắk Wil:

+ Vị trí địa lý: ĐVHC xã Đắk Wil và xã Ea Pô có vị trí liền kề, xã Ea Pô có hai tuyến đường giao thông liên xã kết nối trực tiếp với tỉnh lộ 1, tỉnh Đắk Lắk. Về kết nối giữa trung tâm hai xã, rất thuận lợi với khoảng cách khoảng 5 km.

+ Về truyền thống lịch sử văn hóa: Từ năm 2001, xã Đắk Wil thành lập trên cơ sở chia tách một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Ea Pô; có sự tương đồng về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, với tỉ lệ người dân tộc thiểu số (*chiếm tỷ lệ trên 60%*) bao gồm: Dân tộc Thái, Ê đê, M'ông.

+ Về cơ hội phát triển kinh tế: Mở rộng không gian phát triển. Phát triển vùng nông nghiệp chuyên canh: Cà phê, tiêu ..; du lịch sinh thái (*vườn Quốc gia Yok Đôn cộng với bản sắc văn hóa người dân tộc thiểu số*)...

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Đắk Wil: Dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống lịch sử.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Ea Pô hiện nay: Trước mắt, có thể sử dụng trụ sở UBND xã Ea Pô để đảm bảo hoạt động thủ tục

hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

2. Thành lập xã Nam Dong trên cơ sở nhập hai ĐVHC cấp xã: Xã Nam Dong và xã Đắc Drông

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Nam Dong mới có diện tích tự nhiên 104,04 km² (đạt 104% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.701 người (đạt 714% so với tiêu chuẩn).
- Số ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Wil, xã Cư Jút, xã Đắc Mil.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Nam Dong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Xã Nam Dong và xã Đắc Drông:
 - + Vị trí địa lý: Có vị trí liền kề, có đường giao thông thuận lợi, đường liên xã, đường huyện thuận lợi và dễ dàng cho người dân trong hoạt động đi lại, tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và thị trường khi mở rộng quy mô phát triển.
 - + Về truyền thống lịch sử văn hóa: Có sự tương đồng về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, đa dạng dân tộc thiểu số chung sống bao gồm: Dân tộc Thái, Nùng, Tày, Dao, Mông, Ê đê.
 - + Về cơ hội phát triển kinh tế: Mở rộng không gian phát triển nông nghiệp với cây trồng đa dạng: Cà phê, tiêu, sắn, bắp, đậu ...
- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Nam Dong: Ngắn gọn, dễ nhận diện; đồng thời tên gọi “Nam Dong” là tên gọi quen thuộc mang theo một ý nghĩa lịch sử, truyền thống đặc biệt của vùng đất này.
- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Nam Dong hiện nay: Xã Nam Dong là xã phát triển nhất trong 02 xã trên về hạ tầng cơ sở, giao thông, nơi có hệ thống dịch vụ bưu chính, ngân hàng, dịch vụ thương mại rất phát triển; do đó đảm bảo cung ứng dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được thuận lợi, thông suốt.

3. Thành lập xã Cư Jút trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Xã Trúc Sơn, xã Tâm Thắng, xã Cư K’nia và thị trấn Ea T’ling

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Cư Jút mới có diện tích tự nhiên 104,1 km² (đạt 104% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 49.614 người (đạt 992 % so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Mil, xã Nam Đà, xã Nam Dong.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Thị trấn Ea T’ling hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Xã Trúc Sơn, xã Tâm Thắng, xã Cư K’nia và thị trấn Ea T’ling:

+ Vị trí địa lý: Có vị trí liền kề, có đường giao thông thuận lợi (*Quốc lộ 14, đường huyện và đường liên xã*). Do đó hoàn toàn có thể kết nối trực tiếp giữa các xã, rất thuận lợi cho hoạt động đi lại giao thương của người dân.

+ Về truyền thống lịch sử văn hóa: Năm 1989 xã Tâm Thắng và xã Trúc Sơn được tách ra từ xã Ea T'ling, đến năm 2001 xã Cư K'nia được tách ra từ xã Trúc Sơn; có lịch sử phát triển lâu đời.

+ Về cơ hội phát triển kinh tế: Mở rộng không gian phát triển; phát triển thương mại dịch vụ với hạ tầng sẵn có; phát triển công nghiệp chế biến (*khu công nghiệp Tâm Thắng*); phát triển nông nghiệp (*cà phê, tiêu, lúa, bắp, đậu, cây ăn trái*).

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Cư Jút: Ngắn gọn, dễ nhận diện. Tên gọi "Cư Jút" đã có từ lâu đời và trở thành một phần ký ức chung, bản sắc địa phương của người dân trong khu vực, theo tiếng Ê Đê có nghĩa là "núi Trúc". Tên gọi này gắn liền với đặc điểm địa lý tự nhiên của vùng đất, nơi trước đây có nhiều rừng trúc, việc giữ lại tên gọi này thể hiện sự tôn trọng lịch sử và văn hóa của cộng đồng các dân tộc bản địa, đặc biệt là người Ê Đê, những cư dân sinh sống lâu đời trên vùng đất này.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại thị trấn Ea T'ling hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng ngay các hạ tầng hiện có (*trụ sở UBND huyện Cư Jút, ...*) để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này có thể nghiên cứu vị trí phù hợp hơn nữa cho người dân.

4. Thành lập xã Thuận An trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Đăk Lao và Xã Thuận An

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Thuận An mới có diện tích tự nhiên 316 km² (đạt 316% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.625 người (*đạt 453% so với tiêu chuẩn*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đức Lập, xã Đăk Mil, xã Thuận Hạnh, xã Đăk Wil.

- Nơi đặt đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Thuận An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đăk Lao và Xã Thuận An:

+ Về vị trí địa lý: Xã Đăk Lao và xã Thuận An là 02 đơn vị hành chính liền kề, có chung đường địa giới hành chính; chung tuyến đường quốc lộ 14, đường liên xã, có đường biên giới.

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Có sự tương đồng về địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.

+ Về phát triển kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn và quản lý đường hành lang biên giới (*60,3 km tiếp giáp nước Campuchia*), mở rộng không gian phát triển, tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tập trung các

nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đá xây dựng, phát triển cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, điều, cao su.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Thuận An: Xã Thuận An là tên gọi ngắn gọn, dễ đọc, là một địa danh đã quen thuộc với người dân trong khu vực.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Thuận An hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Thuận An để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

5. Thành lập xã Đức Lập trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Đắc Mil, xã Đức Mạnh và xã Đức Minh (khi sáp nhập 03 đơn vị hành chính không tính tiêu chuẩn về dân số, diện tích)

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Đức Lập mới có diện tích tự nhiên là 88,2 km² (đạt tỷ lệ 88% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 48.586 người (đạt tỷ lệ 972% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Sắk, xã Thuận An, xã Đắc Mil, xã Đắc Song, xã Thuận Hạnh.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Thị trấn Đắc Mil hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Thị trấn Đắc Mil, xã Đức Mạnh và xã Đức Minh:

+ Về vị trí địa lý: Là 03 đơn vị hành chính liền kề, có chung đường địa giới hành chính; chung tuyến đường Quốc lộ 14, đường liên huyện.

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Là 03 xã miền núi, có sự tương đồng về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.

+ Về phát triển kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, mở rộng không gian phát triển thương mại, dịch vụ trên hạ tầng sẵn có, kinh tế nông nghiệp nông thôn chuyển biến rõ rệt theo hướng phát triển cây công nghiệp như cà phê, tiêu, sầu riêng,...

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Đức Lập: Tên gọi “Đức Lập” là tên gọi ngắn gọn, dễ đọc, mang ý nghĩa lịch sử lớn, việc giữ tên gọi phù hợp với lịch sử hình thành và tạo sự đồng thuận của nhân dân.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại thị trấn Đắc Mil hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND huyện Đắc Mil để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

6. Thành lập xã Đắc Mil trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Đắc Gắn, xã Đắc N'Drót và xã Đắc R'la

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Đắc Mil mới có diện tích tự nhiên 213,8 km² (đạt tỷ lệ 214% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 31.579 người (đạt tỷ lệ 632% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Sắk, xã Thuận An, xã Đắc Wil, xã Nam Dong, xã Cư Jút, xã Nam Đà, xã Đức Lập.

- Nơi đặt đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Đắc R'la hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đắc Gắn, xã Đắc N'Drót và xã Đắc R'la:

+ Về vị trí địa lý: Là 03 đơn vị hành chính liền kề, có giao thông thuận lợi (tuyến đường Quốc lộ 14, đường liên huyện,...).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Là 03 xã miền núi, là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Ê Đê, M'Nông, có sự tương đồng về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, cả 03 xã đều là xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

+ Về phát triển kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, mở rộng không gian phát triển, tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội giúp mở rộng vùng quy hoạch về phát triển cây công nghiệp, cây ăn trái như: Bơ, xoài, sầu riêng.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Đắc Mil: Tên gọi Đắc Mil được hình thành từ lâu đời, "Đắc Mil" theo ngôn ngữ M'Nông, "Đắc" có nghĩa là nước hoặc hồ. Tên gọi Đắc Mil liên quan đến một đặc điểm địa lý tự nhiên của vùng đất, như một con sông, dòng suối hoặc hồ nước có tên hoặc đặc điểm nổi bật. Việc giữ lại tên gọi này có thể là sự tôn trọng đối với tự nhiên và lịch sử địa danh.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Xã Đắc R'la hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Đắc R'la để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; đây là địa bàn trung tâm. Sau này có thể tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

7. Thành lập xã Đắc Sắk trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Nam Xuân, xã Đắc Sắk và xã Long Sơn (khi sáp nhập 03 đơn vị hành chính không tính tiêu chuẩn về dân số, diện tích)

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Đắc Sắk mới có diện tích tự nhiên 99 km² (đạt tỷ lệ 99% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 28.058 người (đạt tỷ lệ 561% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Mil, xã Đức Lập, xã Krông Nô, xã Đắc Song, xã Nam Đà.

- Nơi đặt đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Long Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Nam Xuân, xã Đắc SẮC và xã Long Sơn:

+ Về vị trí địa lý: Là 03 đơn vị hành chính liền kề, có chung đường địa giới hành chính, chung tỉnh lộ 683, đường liên xã.

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Xã Nam Xuân, xã Đắc SẮC và xã Long Sơn là 03 xã miền núi, là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc phía bắc, có sự tương đồng về địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, có di tích lịch sử Quốc gia (*di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Đồi 722*).

+ Về phát triển kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, mở rộng không gian phát triển, tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp, cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Đắc SẮC : Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống; Đắc SẮC là xã được hình thành từ lâu đời (17/01/1984), đó là trung tâm hành chính, có vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa quan trọng so với các xã còn lại, việc giữ tên gọi “Đắc SẮC” là phù hợp với cộng đồng người dân nơi đây.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Long Sơn hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Long Sơn để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; đây là xã nằm ở vị trí trung tâm của đơn vị hành chính mới. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

8. Thành lập xã Nam Đà trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Buôn Choánh, xã Nam Đà và xã Đắc Sôr

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Nam Đà mới có diện tích tự nhiên 132,7 km² (*đạt 133% so với tiêu chuẩn*), quy mô dân số 21.520 người (*đạt 430% so với tiêu chuẩn*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Krông Nô, xã Đắc SẮC, xã Cư Jút, xã Đắc Mil.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Nam Đà hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Buôn Choánh, xã Nam Đà và xã Đắc Sôr:

+ Về vị trí địa lý: Nằm ở khu vực phía Đông Bắc của huyện Krông Nô, có vị trí địa lý liền kề, thuận tiện giao thông (*Quốc lộ 28, tỉnh lộ 3, đường liên xã,...*).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Xã Đắc Sôr được thành lập năm 1994, xã Buôn Choáh được thành lập năm 1996, cả hai xã đều thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Nam Đà; do đó về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của Nhân dân các xã: Buôn Choáh, Nam Đà, Đắc Sôr gắn liền và tương đồng với nhau. Cả ba xã đều là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc, trong đó chủ yếu là các dân tộc bản địa như M'Nông cùng với người Kinh và các dân tộc khác.

+ Về phát triển kinh tế: Có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn; đầu tư cơ sở hạ tầng, tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, kết nối du lịch theo chuỗi hàng động núi lửa, thác Dray Sáp, phát triển vùng sản xuất lúa gạo Buôn Choáh.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Nam Đà: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Nam Đà hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Nam Đà để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

9. Thành lập xã Krông Nô trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Đắc Drô, xã Tân Thành và thị trấn Đắc Mâm

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Krông Nô mới có diện tích tự nhiên 159,8 km² (đạt 160% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.636 người (đạt 453% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Nam Đà, xã Nâm Nung, xã Đắc Song và xã Đắc Sắk.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Tại thị trấn Đắc Mâm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đắc Drô, xã Tân Thành và thị trấn Đắc Mâm:

+ Về vị trí địa lý: Xã Đắc Drô, xã Tân Thành và thị trấn Đắc Mâm nằm ở khu vực trung tâm và phía Tây của huyện Krông Nô, có vị trí địa lý liền kề, thuận tiện giao thông (Quốc lộ 28, đường huyện, ...).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Có sự tương đồng với nhau. Tỷ lệ dân tộc thiểu số tại 03 địa phương cao, trong đó chủ yếu là dân tộc bản địa M'Nông;

+ Về phát triển kinh tế: Có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn. Thị trấn Đắc Mâm với vai trò là trung tâm hành chính của huyện Krông Nô, với cơ sở hạ tầng sẵn có tạo thuận lợi phát triển kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ; bên cạnh đó các xã Đắc Drô, xã Tân Thành có lợi thế về phát triển cây công nghiệp.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Krông Nô: Ngắn gọn, dễ nhận diện. Tên gọi “Krông Nô” là lấy lại tên cũ thể thể hiện sự kế thừa; là tên gọi có lịch sử lâu đời gắn liền với yếu tố tự nhiên, thể hiện sự tôn trọng và bảo tồn bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong khu vực.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại thị trấn Đăk Mâm hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND huyện Krông Nô để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; đây là nơi trung tâm của đơn vị hành chính mới. Sau này có thể nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

10. Thành lập xã Năm Nung trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Năm Nung và xã Năm N’Đir

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Năm Nung mới có diện tích tự nhiên 220 km² (đạt 220% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.655 người (đạt 393% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Krông Nô, xã Quảng Phú, xã Quảng Sơn, xã Đăk Song.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Năm Nung hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Năm Nung, xã Năm N’Đir:

+ Xã mới đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích và dân số.

+ Về vị trí địa lý: Các xã đều nằm ở khu vực phía Nam của huyện Krông Nô, có vị trí địa lý liền kề, thuận tiện giao thông (giáp ranh, đường huyện, ...).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Có sự tương đồng với nhau. Tỷ lệ dân tộc thiểu số tại 02 địa phương cao, trong đó chủ yếu là dân tộc bản địa M’Nông.

+ Về phát triển kinh tế: Có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn; Phát triển du lịch với Di tích lịch sử cấp Quốc gia là khu căn cứ cách mạng Năm Nung; tạo cơ hội phát triển nông nghiệp.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Năm Nung: Năm Nung là tên gọi dễ đọc, dễ nhớ, là địa danh mang ý nghĩa lịch sử cách mạng, mang đậm dấu ấn văn hóa và phong tục của người M’Nông (khu vực Năm Nung nổi tiếng là căn cứ địa cách mạng vững chắc trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, là nơi sinh sống lâu đời của đồng bào dân tộc M’Nông với các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán độc đáo như lễ cúng bến nước, lễ hội Tăm Blang M’prang Bon). Việc giữ lại tên gọi này có ý nghĩa tưởng nhớ và phát huy truyền thống cách mạng của vùng đất.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Năm Nung hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Năm Nung để đảm bảo hoạt

động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

11. Thành lập xã Quảng Phú trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Đức Xuyên, xã Đắc Nang và xã Quảng Phú

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Quảng Phú mới có diện tích tự nhiên 264 km² (đạt 264% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 17.573 người (đạt 351,5% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Năm Nung, xã Quảng Sơn, xã Quảng Hòa.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Quảng Phú hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đức Xuyên, xã Đắc Nang và xã Quảng Phú:

+ Về vị trí địa lý: Các xã Đức Xuyên, xã Đắc Nang và xã Quảng Phú nằm ở phía Nam của huyện Krông Nô, có vị trí địa lý liền kề, thuận tiện giao thông (Giáp ranh, Quốc lộ 28,...).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Xã Đức Xuyên, xã Đắc Nang và xã Quảng Phú gắn liền và tương đồng với nhau. Tỷ lệ dân tộc thiểu số tại 03 địa phương cao, trong đó chủ yếu là dân tộc bản địa M'Nông; ngoài ra, có một số cộng đồng dân tộc thiểu số khác: Tày, Nùng, Thái, Dao, H'Mông, Khơ Me,....

+ Về phát triển kinh tế: Đơn vị hành chính mới có quy mô và không gian phát triển lớn hơn; tập trung nguồn lực phát triển nông nghiệp đa dạng: Cà phê, tiêu, bắp, lúa gạo.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Quảng Phú: Là giải pháp phù hợp nhất nhằm hạn chế tối đa các tác động phát sinh đối với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc chuyển đổi giấy tờ, cập nhật thông tin địa lý và các thủ tục hành chính liên quan.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Quảng Phú hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Quảng Phú để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

12. Thành lập xã Đắc Song trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Đắc Mol và xã Đắc Hòa

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Đắc Song mới có diện tích tự nhiên 193 km² (đạt tỷ lệ 193% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 12.701 người (đạt tỷ lệ 254% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Năm Nung, xã Krông Nô, xã Đắc Sắk, xã Đức Lập, xã Thuận Hạnh, xã Đức An, xã Quảng Sơn và xã Trường Xuân.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Đắc Mol hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đắc Mol và xã Đắc Hòa:

+ Về vị trí địa lý: Xã Đắc Mol và xã Đắc Hòa là 02 đơn vị hành chính liền kề, có chung đường địa giới hành chính, đường tỉnh lộ 682, đường liên huyện, đường liên xã.

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Là 02 xã miền núi; là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc M'Nông; có sự tương đồng về địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán (xã Đắc Mol, xã Đắc Hòa trước đây cùng 01 xã).

+ Về phát triển kinh tế: Đơn vị hành chính mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, mở rộng không gian phát triển, tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thương mại và dịch vụ, phát triển điện gió, cụm cây công nghiệp như: Cà phê, cao su, hồ tiêu.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Đắc Song: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Đắc Mol hiện nay: Trước mắt, có thể sử dụng trụ sở UBND xã Đắc Mol để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

13. Thành lập xã Đức An trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Đức An, xã Đắc N'Drung và xã Nam Bình.

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Đức An mới có diện tích tự nhiên là 161 km² (đạt tỷ lệ 161% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 33.178 người (đạt tỷ lệ 664 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Song, xã Trường Xuân, xã Thuận Hạnh, xã Tuy Đức.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Thị trấn Đức An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp thị trấn Đức An, xã Đắc N'Drung và xã Nam Bình:

+ Thị trấn Đức An, xã Đắc N'Drung và xã Nam Bình có vị trí liền kề; có giao thông thuận lợi (đường quốc lộ 14, đường huyện, liên xã).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Có nguồn gốc hình thành từ xã Đắc Song (cũ) và xã Đắc Rung (cũ); có sự tương đồng về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.

+ Về phát triển kinh tế: Mở rộng không gian phát triển thương mại dịch

vụ cho thị trấn Đức An hiện tại; tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, phát triển năng lượng điện gió; xây dựng vùng chuyên canh cây công nghiệp như: Cà phê, sầu riêng, hồ tiêu.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Đức An: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại thị trấn Đức An hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND huyện Đắk Song để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; đây là địa bàn trung tâm của đơn vị hành chính mới, có hạ tầng phát triển. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

14. Thành lập xã Thuận Hạnh trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Thuận Hà và xã Thuận Hạnh

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Thuận Hạnh mới có diện tích tự nhiên 130 km² (đạt tỷ lệ 130% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số: 19.236 người (đạt tỷ lệ 385% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Thuận An, xã Đức Lập, xã Đắk Song, xã Đức An, xã Tuy Đức.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Thuận Hà hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Thuận Hà, xã Thuận Hạnh:

+ Về vị trí địa lý: Là 02 đơn vị hành chính liên kề, có chung đường địa giới hành chính; chung tuyến đường liên xã, có đường biên giới. Đồng thời, trước đây xã Thuận Hà và Thuận Hạnh cùng là 01 xã (trong đó, xã Thuận Hạnh thiếu diện tích, xã Thuận Hà thiếu cả 02 tiêu chuẩn).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Xã Thuận Hạnh và xã Thuận Hà là 02 xã miền núi; có sự tương đồng về địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.

+ Về phát triển kinh tế: Đơn vị hành chính mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn và quản lý đường hành lang biên giới (23 km tiếp giáp nước Campuchia), mở rộng không gian phát triển, tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển cây công nghiệp như cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, chuyên canh các loại rau quả.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Thuận Hạnh: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống, là tên gọi trước đây của hai xã này trước khi tách ra.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Thuận Hà hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Thuận Hà để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

15. Thành lập xã Trường Xuân trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Năm N'Jang và xã Trường Xuân

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Trường Xuân mới có diện tích tự nhiên 323 km² (đạt tỷ lệ 323% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 26.838 người (đạt tỷ lệ 537% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đắc Song, xã Đức An, xã Tuy Đức, xã Quảng Tân, phường Nam Gia Nghĩa, phường Bắc Gia Nghĩa, xã Quảng Sơn, xã Nhân Cơ.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Trường Xuân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Năm N'Jang và xã Trường Xuân.
- + Xã Trường Xuân mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích tự nhiên.
- + Về vị trí địa lý: Là 02 đơn vị hành chính liền kề; có chung đường địa giới hành chính; quốc lộ 14, đường liên huyện, đường liên xã.
- + Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Là 02 xã miền núi, là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc M'Nông, có sự tương đồng về địa hình, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.
- + Về phát triển kinh tế: Đơn vị hành chính mới sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, mở rộng không gian phát triển, tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi phát triển cây công nghiệp như: Cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, quy hoạch vùng khai thác khoáng sản.
- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Trường Xuân: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống.
- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Trường Xuân hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở xã Trường Xuân để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; đây là địa bàn trung tâm của đơn vị hành chính mới, có hạ tầng phát triển.

16. Thành lập xã Tà Đùng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Đắc Som và xã Đắc R'Măng

a) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC

- Xã Tà Đùng mới có diện tích tự nhiên 531 km² (đạt 531% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 22.703 người (đạt 454% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Quảng Khê, xã Quảng Sơn, phường Bắc Gia Nghĩa.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Đắc Som hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đắc Som với xã Đắc R'Măng:

+ Về vị trí địa lý: Có vị trí liền kề, có giao thông thuận lợi (*Quốc lộ 28, đường liên xã*) thuận lợi cho người dân trong việc kết nối giao thương buôn bán và trao đổi hàng hóa.

+ Về Truyền thống, lịch sử, văn hóa: 02 xã có truyền thống lịch sử văn hóa tương đồng, có đông người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (*người M'Nông, người DTTS phía bắc*) mang đến một không gian văn hóa phong phú với nhiều nghề thủ công truyền thống, các lễ hội và phong tục tập quán độc đáo.

+ Về phát triển kinh tế: Có nền kinh tế tương đồng, chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp: Cà phê, tiêu, điều,... khi sắp xếp sẽ có quy mô và không gian phát triển lớn hơn. 02 xã có tiềm năng lớn phát triển về du lịch với khu bảo tồn thiên nhiên hồ Tà Đùng và nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú thu hút khách du lịch trải nghiệm.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Tà Đùng: Tên gọi mới dễ gọi, dễ nhớ, phù hợp với truyền thống lịch sử.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Đăk Som hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở xã Đăk Som để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; đây là địa bàn trung tâm của đơn vị hành chính mới. Sau này có thể nghiên cứu vị trí phù hợp hơn nữa.

17. Thành lập xã Quảng Khê trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Quảng Khê và xã Đăk Plao

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Quảng Khê mới có diện tích tự nhiên 224,3 km² (*đạt 224% so với tiêu chuẩn*); quy mô dân số 17.825 người (*đạt 357% so với tiêu chuẩn*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Đông Gia Nghĩa, phường Bắc Gia Nghĩa và xã Tà Đùng.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Quảng Khê hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Quảng Khê và xã Đăk Plao:

+ Về vị trí địa lý: Xã Quảng Khê và xã Đăk Plao là 02 ĐVHC có vị trí liền kề; có giao thông kết nối trực tiếp giữa trung tâm của 02 xã, khoảng cách giữa 02 trung tâm hiện nay là khoảng 12 km (*đi theo đường huyện, giao thông rất thuận lợi*).

+ Về Truyền thống, lịch sử, văn hóa: Có sự tương đồng về truyền thống, lịch sử, văn hóa, chủ yếu là người dân tộc thiểu số tại chỗ (*M'Nông, Êđê,...*) sinh sống với nhiều lễ hội truyền thống được nhân dân hai xã duy trì, bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa. Đây là cơ hội thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, tạo nên sự đoàn kết, gắn bó và không gian văn hóa phong phú, giàu bản sắc dân tộc.

+ Về phát triển kinh tế: Xã mới có tiềm năng phát triển kinh tế về nông

nghiệp như: Trồng lúa, các loại cây hoa màu và phát triển cây công nghiệp lâu năm: Cà phê, hồ tiêu, điều,.....và du lịch sinh thái; khi sắp xếp 02 xã với nhau sẽ tạo điều kiện mở rộng quy mô phát triển về ngành nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với du lịch sinh thái và trải nghiệm những nét văn hóa cộng đồng qua các lễ hội truyền thống và các nét văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Quảng Khê: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Quảng Khê hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND huyện Đắk Glong để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt, đây là địa bàn trung tâm có cơ sở hạ tầng phát triển. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

18. Thành lập phường Bắc Gia Nghĩa trên cơ sở nhập 04 ĐVHC: Phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Đức và xã Đắk Ha

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Phường Bắc Gia Nghĩa có diện tích tự nhiên 250,5 km² (đạt 4.555% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 37.760 người (đạt 252% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Nam Gia Nghĩa, Phường Đông Gia Nghĩa, xã Trường Xuân, xã Quảng Sơn, xã Tà Đùng, xã Quảng Khê.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Phường Nghĩa Đức hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành và phường Nghĩa Đức và xã Đắk Ha:

+ Về vị trí địa lý: Các phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Đức và xã Đắk Ha có vị trí địa lý liên kề, giao thông xuyên suốt (Quốc lộ 14, đường nội thị, đường tỉnh,...).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Phường Quảng Thành, phường Nghĩa Thành, phường Nghĩa Đức và xã Đắk Ha gắn liền và tương đồng với nhau.

+ Về phát triển kinh tế: Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số các phường: Quảng Thành, Nghĩa Thành, Nghĩa Đức và xã Đắk Ha để thành lập đơn vị hành chính mới có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn; đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế đô thị, trọng tâm là hồ trung tâm, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khai khoáng, Bô xít....

- Cơ sở, lý do đặt tên là phường Bắc Gia Nghĩa: dễ nhớ, dễ nhận diện, được nhân dân đồng tình ủng hộ cao.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại phường Nghĩa Đức hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở phường Nghĩa Đức để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt.

19. Thành lập phường Nam Gia Nghĩa trên cơ sở nhập 03 ĐVHC: Phường Nghĩa Phú, phường Nghĩa Tân và xã Đắc R'Moan

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Phường Nam Gia Nghĩa có diện tích tự nhiên 80,6 km² (đạt 1.465% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 23.650 người (đạt 158% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Bắc Gia Nghĩa, Phường Đông Gia Nghĩa, xã Trường Xuân, xã Quảng Tân, xã Nhân Cơ.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Phường Nghĩa Tân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Phường Nghĩa Phú, phường Nghĩa Tân và xã Đắc R'Moan:

+ Về vị trí địa lý: Các phường: Nghĩa Phú, Nghĩa Tân và xã Đắc R'Moan có vị trí địa lý liên kề, giao thông xuyên suốt (Quốc lộ 14, đường nội thị, ...).

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Phường Nghĩa Phú, phường Nghĩa Tân và xã Đắc R'Moan gắn liền và tương đồng với nhau.

+ Về phát triển kinh tế: Đơn vị hành chính mới có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn; đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế đô thị, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực Đắc R'Moan hiện nay; phát triển cây công nghiệp....

- Cơ sở, lý do đặt tên là phường Nam Gia Nghĩa: Dễ nhớ, dễ nhận diện, được nhân dân đồng tình ủng hộ cao.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại phường Nghĩa Tân hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND thành phố Gia Nghĩa để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt, đây là địa bàn trung tâm của đơn vị hành chính mới, với hạ tầng có sẵn. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

20. Thành lập phường Đông Gia Nghĩa trên cơ sở nhập 02 ĐVHC: Phường Nghĩa Trung và xã Đắc Nia

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Phường Đông Gia Nghĩa có diện tích tự nhiên 105,8 km² (đạt 1.923% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 24.199 người (đạt 161% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Bắc Gia Nghĩa, Phường Nam Gia Nghĩa, xã Quảng Khê, xã Nhân Cơ.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Phường Nghĩa Trung hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp Phường Nghĩa Trung và xã Đắc Nia:
 - + Về vị trí địa lý: Phường Nghĩa Trung và xã Đắc Nia có vị trí địa lý liền kề, giao thông xuyên suốt (*Quốc lộ 28*).
 - + Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Phường Nghĩa Trung và xã Đắc Nia gắn liền và tương đồng với nhau.
 - + Về phát triển kinh tế: Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số phường Nghĩa Trung và xã Đắc Nia để thành lập đơn vị hành chính mới có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn; đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế đô thị, nông nghiệp công nghệ cao.
- Cơ sở, lý do đặt tên là phường Đông Gia Nghĩa: Dễ nhớ, dễ nhận diện, được nhân dân đồng tình ủng hộ cao.
- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại phường Nghĩa Trung hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở phường Nghĩa Trung để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt; có hạ tầng phát triển.

21. Thành lập xã Quảng Tân trên cơ sở nhập 02 ĐVHC là xã Quảng Tân và xã Đắc Ngo

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Quảng Tân mới có diện tích tự nhiên 294 km² (*đạt 294% so với tiêu chuẩn*); quy mô dân số 31.185 người (*đạt 624% so với tiêu chuẩn*).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Nam Gia Nghĩa, xã Quảng Tín, xã Quảng Trực, xã Trường Xuân, xã Nhân cơ, xã Kiến Đức và xã Tuy Đức.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC: Xã Quảng Tân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Quảng Tân và xã Đắc Ngo:
 - + Về vị trí địa lý: Là 02 ĐVHC có vị trí liền kề; có đường giao thông kết nối (*đường liên xã*) thuận lợi cho người dân trong việc đi lại, giao thương buôn bán.
 - + Về Truyền thống lịch sử, văn hóa: Có sự tương đồng về truyền thống, lịch sử, văn hóa, có đông người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chủ yếu là người dân tộc (M'Nông, Êđê,...) tạo nên một không gian văn hóa phong phú, giàu bản sắc dân tộc.
 - + Về phát triển kinh tế: Có sự tương đồng, phù hợp với phát triển kinh tế về nông nghiệp như: Trồng lúa, các loại cây hoa màu và phát triển cây công nghiệp lâu năm: Cà phê, hồ tiêu, điều,...và du lịch sinh thái; khi sắp xếp 02 xã với nhau sẽ có quy mô và không gian phát triển lớn hơn, thuận lợi cho người dân phát triển kinh tế.

- Cơ sở và lý do đặt tên là xã Quảng Tân: Ngắn gọn, dễ nhận diện, dễ đọc, dễ nhớ và phù hợp với truyền thống lịch sử.

- Cơ sở và lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quảng Tân hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND xã Quảng Tân để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

22. Thành lập xã Tuy Đức trên cơ sở nhập 03 ĐVHC là xã Quảng Tâm, xã Đắk R'Tíh và xã Đắk Búk So

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Tuy Đức có diện tích tự nhiên 266 km² (đạt 266% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 31.786 người (đạt 635,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Quảng Trực, xã Quảng Tân, xã Đức An, xã Trường Xuân và xã Thuận Hạnh.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: Xã Đắk Búk So hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Quảng Tâm và xã Đắk R'Tíh và xã Đắk Búk So:

- + Về vị trí địa lý: Là 03 xã miền núi, vùng cao có vị trí liên kề; có giao thông kết nối trực tiếp giữa trung tâm của 03 xã, thuận lợi cho người dân trong việc đi lại và giao thương kinh tế.

- + Về truyền thống lịch sử, văn hóa: Có những nét tương đồng, có truyền thống lịch sử lâu dài gắn liền với cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Cả 03 xã là nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số: M'Nông, Êđê,... với những nét văn hóa bản địa giàu bản sắc đóng vai trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt cộng đồng của nhân dân 03 xã.

- + Về phát triển kinh tế: Có sự tương đồng với nhau về kinh tế, 03 xã có đất đai phù hợp để phát triển kinh tế nông nghiệp: Cây công nghiệp, cây lương thực, và phát triển chăn nuôi. Do đó, khi thực hiện sắp xếp sẽ mở rộng được quy mô phát triển.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Tuy Đức: Có thể được xem là giải pháp phù hợp nhất nhằm hạn chế tối đa các tác động phát sinh đối với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt trong việc chuyển đổi giấy tờ, cập nhật thông tin địa lý và các thủ tục hành chính liên quan.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Đắk Búk So hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND huyện Tuy Đức để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

23. Thành lập xã Kiến Đức trên cơ sở nhập 04 đơn vị hành chính cấp xã: Xã Đạo Nghĩa, xã Nghĩa Thắng, xã Kiến Thành và thị trấn Kiến Đức

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Kiến Đức mới có diện tích tự nhiên 168 km² (đạt 168% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 38.928 người (đạt 779% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Nhân Cơ, xã Quảng Tín, xã Quảng Tân.
- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính: UBND thị trấn Kiến Đức hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đạo Nghĩa, xã Nghĩa Thắng, xã Kiến Thành và thị trấn Kiến Đức:

+ Về vị trí địa lý: Các xã Đạo Nghĩa, xã Nghĩa Thắng, xã Kiến Thành và thị trấn Kiến Đức có vị trí liền kề, giao thông thuận lợi (*đường huyện, Quốc lộ 14 đi xuyên suốt*) tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, mở rộng giao thương, phục vụ đi lại cho người dân.

+ Về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Có lịch sử hình thành gắn bó mật thiết với nhau, xã Đạo Nghĩa và xã Kiến Đức (cũ) được hình thành đầu tiên sau đó xã Nghĩa Thắng được tách ra từ xã Đạo Nghĩa; thị trấn Kiến Đức và xã Kiến Thành được tách ra từ xã Kiến Đức (cũ) nên về truyền thống lịch sử văn hóa có sự tương đồng nhau.

+ Về phát triển kinh tế: Thị trấn Kiến Đức là đô thị loại IV, với vai trò là trung tâm huyện lỵ phát triển mạnh mẽ về hoạt động thương mại và dịch vụ với hạ tầng cơ sở hiện hữu, kết hợp các xã Kiến Thành, xã Đạo Nghĩa và Nghĩa Thắng thế mạnh về nông nghiệp (*Các loại cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, cao su và cây ăn trái, ...*) tạo nền kinh tế đa dạng, vững mạnh cho đơn vị hành chính mới sau sát nhập.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Kiến Đức: Tên gọi Kiến Đức đã là một địa danh quen thuộc thành lập từ năm 1988, việc lựa chọn tên gọi "Kiến Đức" cho xã mới là phương án phù hợp, vừa mang tính kế thừa lịch sử và truyền thống văn hóa; gắn sự kiện lịch sử chiến dịch Tây Quảng Đức, một di tích lịch sử cấp quốc gia.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại thị trấn Kiến Đức hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở UBND huyện Đắk R'lấp để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

24. Thành lập xã Nhân Cơ trên cơ sở nhập ba đơn vị hành chính cấp xã: Xã Nhân Cơ, xã Nhân Đạo và xã Đắc Wer

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Nhân Cơ mới có diện tích tự nhiên 158 km² (đạt 158% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 27.898 người (đạt 558 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Kiến Đức, xã Quảng Tân, xã Trường Xuân, phường Nam Gia Nghĩa, phường Đông Gia Nghĩa.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Nhân Cơ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Nhân Cơ, xã Nhân Đạo, xã Đắc Wer:

+ Về vị trí địa lý: Có vị trí liên kề; có đường liên xã, đường huyện và đều nằm trên Quốc lộ 14, tuyến đường huyết mạch nối liền các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, thuận tiện cho việc đi lại kết nối giao thương, trao đổi hàng hóa, tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa...

+ Truyền thống lịch sử văn hóa: Xã Nhân Cơ được thành lập năm 1988 từ việc tách ra từ xã Đạo Nghĩa, đến năm 2005, xã Nhân Cơ lại được chia tách thành hai xã là Nhân Cơ và Đắc Wer. Như vậy việc sắp xếp này có thể coi là sự tái hợp của một vùng đất đã từng là một phần của nhau nên về truyền thống lịch sử văn hóa, phong tục tập quán sẽ có sự tương đồng với nhau.

+ Về phát triển kinh tế: Tạo cơ hội lớn để phát triển kinh tế một cách toàn diện, bền vững và mạnh mẽ về công nghiệp, nông nghiệp (khai thác khoáng sản, khai thác Bôxít, và các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cà phê, hồ tiêu, điều, cao su và các loại cây ăn trái...).

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Nhân Cơ: Xã Nhân Cơ đã tồn tại trước khi sáp nhập, có vị trí trung tâm hoặc đóng vai trò quan trọng hơn về mặt hành chính, kinh tế, văn hóa so với các xã còn lại trong khu vực sáp nhập, việc giữ lại tên "Nhân Cơ" cho xã mới có sự phù hợp nhất định với ý nghĩa lịch sử (tính kế thừa) và truyền thống văn hóa (giá trị nhân văn và tiềm năng phát triển) của khu vực sau khi sáp nhập.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Nhân Cơ hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở xã Nhân Cơ để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

25. Thành lập xã Quảng Tín trên cơ sở nhập 04 đơn vị hành chính cấp xã: Xã Đắc Sin, xã Quảng Tín, xã Hưng Bình và xã Đắc Ru

a) Kết quả sau khi sắp xếp

- Xã Quảng Tín có diện tích tự nhiên 310 km² (đạt 310% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 34.591 người (đạt 692 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Kiến Đức, xã Quảng Tân.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính : Xã Đắc Sin hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Đắc Sin và xã Quảng Tín, xã Hưng Bình và xã Đắc Ru.

+ Về vị trí địa lý: Các xã có chung đường ranh giới, có đường liên xã, có tuyến đường huyết mạch kết nối các tỉnh Tây Nguyên là Quốc lộ 14 và đường tỉnh lộ 671 đi qua, việc sáp nhập sẽ tạo thành một vùng lãnh thổ liền mạch, thuận lợi cho việc quản lý hành chính, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đồng bộ, thuận tiện cho giao thương, đi lại của người dân.

+ Truyền thống, lịch sử, văn hóa: 04 xã đều là đơn vị hành chính cơ sở đầu tiên, cùng được thành lập vào ngày 22 tháng 2 năm 1986. Nền lịch sử phát triển của cả bốn xã luôn gắn liền với sự phát triển chung của huyện Đắc R'lấp, thêm vào đó, 04 xã gần kề nhau nên có sự giao thoa về dân cư tạo sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán.

+ Tiềm năng phát triển kinh tế xã hội: Việc sáp nhập xã Đắc Sin, xã Quảng Tín, xã Hưng Bình và xã Đắc Ru có tiềm năng tạo ra một đơn vị hành chính có nền kinh tế mạnh mẽ hơn, đa dạng hơn, dựa trên lợi thế về nông nghiệp công nghiệp cao (*các loại cây trồng chính như cà phê, tiêu, điều*) và du lịch sinh thái với lợi thế thác 5 tầng (*Thác Đắc Sin*) là một điểm du lịch sinh thái tự nhiên hấp dẫn.

- Cơ sở, lý do đặt tên là xã Quảng Tín: Ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với lịch sử truyền thống.

- Cơ sở, lý do đặt trung tâm chính trị - hành chính tại xã Đắc Sin hiện nay: Trước mắt có thể sử dụng trụ sở xã Đắc Sin để đảm bảo hoạt động thủ tục hành chính cho người dân được thông suốt. Sau này tiếp tục nghiên cứu vị trí phù hợp đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện hơn nữa.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐẮC NÔNG

Trước khi sắp xếp, tỉnh Đắc Nông có 71 ĐVHC cấp xã (*gồm 06 phường, 05 thị trấn và 60 xã*). Sau khi sắp xếp, tỉnh Đắc Nông còn **28 ĐVHC** cấp xã (*gồm 03 phường, 25 xã*); **giảm 43 ĐVHC** cấp xã (*gồm 3 phường, 05 thị trấn và 35 xã*).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

1.1. Cơ cấu tổ chức

a) Chính quyền địa phương

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (*chức danh chuyên trách*).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân và 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công*).

b) Cơ quan của Hội đồng nhân dân

- Ban Pháp chế: Có 01 Trưởng ban (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Trưởng ban (*chức danh chuyên trách*).

- Ban Kinh tế - Xã hội: Có 01 Trưởng ban (*chức danh kiêm nhiệm*) và 01 Phó Trưởng ban (*chức danh chuyên trách*).

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, gồm có 04 phòng và tương đương, gồm có:

(1) Văn phòng HĐND và UBND

- Tham mưu, giúp HĐND, UBND cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của HĐND, Thường trực HĐND, UBND và cơ quan chuyên môn thuộc UBND; tham mưu hoạt động của Thường trực HĐND; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của nhân dân; cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của HĐND, UBND cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cấp xã, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới (*Đối với ĐVHC cấp xã có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền*).

(2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị (đối với phường).

- *Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch*: Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính; kế hoạch và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hợp tác; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- *Lĩnh vực Xây dựng và Công Thương*: Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị (*bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị; cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm*

đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiêu thụ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.

- *Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường*: tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

(3) Phòng Văn hóa và Xã hội

- *Lĩnh vực Nội vụ*: Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo.

- *Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo*: Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (*giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở*).

- *Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin*: Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; công nghệ thông tin (*không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng*); phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

- *Lĩnh vực Y tế*: Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (*không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy*).

(4) Trung tâm phục vụ Hành chính công

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và được cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh hoặc khu vực để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn cấp xã.

1.2. Biên chế

Đối với UBND và HĐND cấp xã mỗi cấp xã dự kiến 32 biên chế, bố trí như sau:

(1) HĐND cấp xã 03 biên chế gồm 01 Phó Chủ tịch HĐND và 02 Phó Ban chuyên trách của HĐND (*Chủ tịch HĐND và Trưởng ban của HĐND cấp xã là chức danh kiêm nhiệm*).

(2) UBND cấp xã 03 biên chế gồm Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch UBND (*kiêm chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, giúp việc của UBND xã*)

(3) 04 Phòng và tương đương: Lãnh đạo phòng 06 biên chế (*Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng*); 04 Phòng chuyên môn và tương đương bố trí mỗi phòng 05 biên chế.

Căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi đơn vị hành chính cấp xã, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể biên chế từng đơn vị hành chính cấp xã trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức theo lộ trình 05 năm, phù hợp khung biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.3. Phương án và lộ trình sắp xếp

a) Đảng bộ, các cơ quan khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

b) Cơ quan, đơn vị hành chính, các đơn vị sự nghiệp, hội

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chức chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025. Giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chức chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện hiện nay để chuyển giao, thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã sau sắp xếp theo định hướng tại Kết luận số 137-KL/TW và hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực sự nghiệp.

- *Đối với lĩnh vực giáo dục:* Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- *Đối với lĩnh vực y tế:* Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND tỉnh có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với Trung tâm y tế các huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế, tiếp tục giao Sở Y tế quản lý, tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (*cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...*).

- Thành lập Ban quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,... trên địa bàn. Thời gian đầu khi hình thành đơn vị hành chính cấp xã mới, có thể xem xét thành lập Ban Quản lý dự án khu vực, mỗi Ban quản lý dự án khu vực sẽ quản lý theo địa bàn cấp huyện như hiện nay để tiếp tục quản lý, thực hiện các dự án cho đến khi kết thúc giai đoạn đầu tư công trung hạn

- Các tổ chức hội: Sáp nhập, đổi tên hội tương ứng với việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; trình tự, hồ sơ sáp nhập, đổi tên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

- Vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập: Căn cứ ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để xác định danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập: Trên cơ sở phương án sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực tại cấp xã theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh trình cấp thẩm quyền phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước theo quy định, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng người làm việc, thực hiện đầy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa bàn.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã.

- Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức của cấp huyện, cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện rà soát, tinh giản

biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 5 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, cấp huyện có số lượng cán bộ, công chức dôi dư so với định mức (*sau khi đã thực hiện bố trí sắp xếp tại cấp xã*), thực hiện rà soát để bố trí tại các xã khác trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo hài hòa và cân bằng về số lượng cán bộ, công chức và định mức biên chế.

- Tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp xã áp dụng như đối với tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tương ứng của cấp huyện hiện nay theo quy định của Chính phủ hiện hành.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp quản lý mới.

- Đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ cấp xã áp dụng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đối với công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên theo quy định của Chính phủ.

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã khi được bố trí vào các chức danh lãnh đạo, quản lý đơn vị hành chính cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý tại đơn vị hành chính cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính

3.1. Cán bộ, công chức và người hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác tại đơn vị hành chính mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian 06 tháng, sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

3.2. Trường hợp Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3.3. Trường hợp cán bộ, công chức ở cấp huyện và cấp xã không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bố trí đảm nhiệm vị trí việc làm ở cấp xã mới thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Chính phủ.

3.4. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo

đơn vị hành chính như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp có sự thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thực hiện bàn giao nguyên trạng, tiếp nhận tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước cho đơn vị hành chính mới (sau khi sáp nhập); lập phương án bàn giao, tiếp nhận tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước và bố trí sử dụng theo quy định; thực hiện kiểm kê tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước theo chế độ quy định, lập đầy hồ sơ về tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trước khi sắp xếp; thực hiện đối chiếu và lập biên bản bàn giao, tiếp nhận theo quy định; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước; đảm bảo thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 405/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 về hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách Nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Tổ chức thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở (nhà, đất), tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được sắp xếp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Rà soát, lập danh sách và đánh giá hiện trạng, tình hình sử dụng các trụ sở các đơn vị hành chính đã thực hiện sắp xếp; trong đó đánh giá cụ thể, báo cáo vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, có đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Sau khi đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp: Giao lãnh đạo cấp xã (*đặc thù*) xây dựng kế hoạch để thực hiện các chế độ chính sách đặc thù (nếu có) đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Phối hợp hướng dẫn kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp huyện về cấp xã theo quy định.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Hướng dẫn, định hướng công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trên địa

bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định; ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, tuyên truyền các tổ chức, cá nhân và vận động Nhân dân hưởng ứng việc sáp nhập, thành lập đơn vị mới theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan có liên quan hướng dẫn kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức thuộc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp huyện về cấp xã theo quy định.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi triển khai thực hiện thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc sắp xếp các sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

4. Giao Sở Nội vụ

- Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các địa phương trong quá trình thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông bảo đảm đúng lộ trình, thời gian quy định.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành, Trung ương, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Giao Sở Tài chính

- Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa bàn phải sắp xếp lại thực hiện kiểm kê lập danh sách trụ sở, tài sản công để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền; theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa bàn phải sắp xếp lại thực hiện các thủ tục về xử lý tài sản, trung tâm chính trị - hành chính theo đúng quy định.

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương lập dự toán phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Chủ trì thẩm định, tổng hợp kinh phí của các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của trung ương, của tỉnh khi thực hiện sắp xếp.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm phù hợp phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Hướng dẫn việc chuyển đổi Giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã.

6. Giao Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu phương án, giải pháp cụ thể về trụ sở tại các đơn vị hành chính cấp huyện,

cấp xã trước và sau sắp xếp.

7. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Bản đồ hiện trạng của đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp; hướng dẫn UBND các xã/phường tổ chức đính chính thông tin, địa chỉ trong các giấy tờ liên quan đến đất đai, tài sản gắn liền trên đất, giấy CNQSD đất sau khi Nghị quyết Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính được ban hành.

8. Giao Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và tạo sự đồng thuận của xã hội khi triển khai thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

9. Giao các Sở, ngành khác có liên quan: Thực hiện các nội dung có liên quan theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

10. UBND các xã, phường, thị trấn

Thực hiện bàn giao cho UBND các phường, xã thành lập mới về tổ chức bộ máy, hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở đơn vị hành chính sau khi sắp xếp; chuyển đổi các loại giấy tờ cho Nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo thẩm quyền.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung của cả nước, sẽ tạo sự thay đổi tích cực và tập trung được nguồn lực, phát huy tiềm năng phát triển của địa phương, phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm được ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức để xây dựng bộ máy hành chính hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho các địa phương sớm ổn định và phát triển.

- Qua đó, cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị; tạo nguồn lực, mở rộng không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo điều kiện cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm chi ngân sách, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của xã hội cũng như sự chuyển đổi về phương thức quản lý, điều hành trong giai đoạn hiện nay, nhất là việc triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, công dân số, xã hội số.

2. Kiến nghị, đề xuất

- Để đảm bảo các đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp thật sự ổn định, phát triển theo đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ, ngoài những định hướng, giải pháp cho việc ổn định, phát triển của địa phương, đề nghị Chính phủ có giải pháp, ưu tiên tiếp tục đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất cho người dân trong việc ổn định sản xuất, kinh doanh tại đơn vị hành chính mới hình thành.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính dẫn đến dôi dư số lượng lớn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Để đảm bảo tính ổn định, không phát sinh vấn đề tư tưởng, ảnh hưởng đến công tác nhân sự sau khi sắp xếp, kính đề nghị Chính phủ thống nhất cho bổ sung số lượng cấp phó đối với các chức danh: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp; bổ sung kinh phí hỗ trợ (miễn phí) cho người dân, doanh nghiệp khi điều chỉnh thông tin giấy tờ; kinh phí, trách nhiệm khắc phục những tác động tiêu cực, ổn định đời sống Nhân dân; an ninh trật tự ở cơ sở; xử lý tài sản công dôi dư.

Trên đây là Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Nông năm 2025; quy trình xây dựng Đề án chặt chẽ, đúng quy định, được sự đồng thuận cao của Nhân dân; có tính khoa học và thực tiễn; các giải pháp đưa ra có tính khả thi cao. UBND tỉnh Đắk Nông kính trình Chính phủ tổng hợp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mười